

*Phụ lục số II*  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài  
chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.*

---



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN (APT).**

**Năm báo cáo: 2013**



Tháng 04/2014

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN.**
- Tên tiếng Anh: **SAIGON AQUATIC PRODUCTS TRADING JOINT STOCK COMPANY.**
- Tên viết tắt: **APT CO.**
- Trụ sở chính: Lô 4-6-8 Đường 1A, P.Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84.8) 37541889 - Fax: (84.8) 37541808.
- Website: [www.apt.com.vn](http://www.apt.com.vn) - Email: [aptco@apt.com.vn](mailto:aptco@apt.com.vn)
- Vốn điều lệ: 88.000.000.000 đồng (Tám mươi tám tỷ đồng).
- GCNĐKKD số 41035759 do Sở Kế Hoạch Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 20/12/2006; đăng ký thay đổi lần 07 ngày 25/06/2013.
- Mã cổ phiếu (nếu có): Không.

### 2. Quá trình hình thành và phát triển:

a. Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn (APT) được thành lập do cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Kinh doanh Thủy Hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân TP.Hồ Chí Minh ngày 26/05/2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Kinh doanh Thủy hải sản thành Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn (Công ty APT). Công ty APT chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 01/01/2007 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103005759 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 20/12/2006.

Công ty APT chuyên sản xuất, chế biến và kinh doanh các mặt hàng thủy hải sản, nông sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Được thành lập từ năm 1976, đến nay Công ty đã không ngừng cải tiến kỹ thuật, trang thiết bị, công nghệ nhằm nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm. Các Xí nghiệp trực thuộc Công ty đều được cấp Code xuất khẩu đi Châu Âu bao gồm Code DL 364, DL 142, DL 769, HK 155, HK 156.

Với các yếu tố như: đội ngũ quản lý, cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm và năng động, công nhân sản xuất chế biến lành nghề, dây chuyền sản xuất hiện đại, cùng hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn HACCP, ISO... Công ty rất tự hào vì đã góp phần tạo nên một thế giới thực phẩm an toàn, chất lượng phục vụ cho cuộc sống.

Với năng lực hiện có, hàng năm Công ty sản xuất và chế biến 20.000 - 30.000 tấn thủy hải sản các loại, trong đó 60% dành cho xuất khẩu. Hiện nay sản phẩm của Công ty có mặt trên 25 quốc gia ở các châu lục và ngày càng mở rộng trong tương lai.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã năm (06) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp bổ sung giấy chứng nhận ĐKKD. Lần thay đổi thứ sáu số 0300523755 ngày 07/09/2012.

Công ty đã được tặng thưởng các danh hiệu:

- + Năm 2001: Huân chương Lao Động hạng 3.
- + Giải thưởng Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao hợp chuẩn 2004, 2005, 2006.
- + Sản phẩm uy tín chất lượng năm 2005
- + Huy chương vàng hội chợ Vietfish 2000, 2003, 2005, 2006, 2007, 2008.
- + Năm 2006: Giải thưởng Sao vàng Đất Việt, Business Excellent Awards 2006.

- + Thương hiệu Việt Uy tín chất lượng năm 2005-2006-2007
- + Năm 2008: Giấy chứng nhận Doanh nghiệp Xuất khẩu Uy tín của Bộ Công Thương.
- + Năm 2010-2011-2013-2014: Giấy Chứng nhận hàng Việt Nam chất lượng cao.

b. Các sự kiện khác:

Ngày 26/11/2006, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn do Đại hội đồng cổ đông thành lập bầu ra, gồm 05 người với nhiệm kỳ 05 năm kể từ tháng 01/2007 đến tháng 12/2011. Danh sách Hội đồng Quản trị (HĐQT) cụ thể gồm có:

- |                            |                                     |
|----------------------------|-------------------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Chí Thành    | Chủ tịch HĐQT;                      |
| 2. Ông Đỗ Văn Vinh         | Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc;    |
| 3. Ông Nguyễn Thanh Sơn    | Thành viên HĐQT – P. Tổng Giám đốc; |
| 4. Ông Nguyễn Văn Công Hậu | Thành viên HĐQT – P. Tổng Giám đốc; |
| 5. Ông Tạ Bá Thuyết        | Thành viên HĐQT (cổ đông ngoài).    |

Từ tháng 04/2008, Ông Đào Xuân Đức – người đại diện vốn Nhà nước, giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị thay thế Ông Nguyễn Chí Thành do chuyển công tác (*đã báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ Đại hội thường niên 2008*).

Tháng 07/2009, thành viên HĐQT tiếp tục có sự thay đổi do Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn thay đổi người đại diện vốn Nhà nước. Cụ thể:

Ông Trương Tiến Dũng là đại diện vốn Nhà nước, thành viên Hội đồng Quản trị giữ chức vụ Tổng Giám đốc, thay thế Ông Đỗ Văn Vinh do tạm đình chỉ chức vụ.

Ngày 21/11/2008, Ủy Ban Nhân Dân TP HCM đã chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Kinh Doanh Thủy hải sản Sài Gòn thực hiện bán đấu giá tiếp phần vốn Nhà nước là 36,68% /Vốn điều lệ (VĐL) và chỉ giữ lại phần vốn Nhà nước theo phương án ban đầu là 30%/VĐL. Căn cứ vào Biên bản xác định kết quả đấu giá ngày 27/8/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn đã tổ chức xong việc bán đấu giá 36,68% /VĐL của phần vốn Nhà nước tại Công ty.

Ngày 31/10/2009, Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn có Quyết định giảm số lượng người Đại diện vốn Nhà nước từ 05 thành viên xuống còn 03 thành viên (Ông Nguyễn Thanh Sơn Phó TGD và Ông Nguyễn Văn Công Hậu Phó TGD không còn là người đại diện vốn Nhà nước và từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT tại Công ty).

Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường vào tháng 11/2009 để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị. Sau đại hội, các thành viên Hội đồng Quản trị được thay đổi theo danh sách sau:

- |                         |   |                                 |
|-------------------------|---|---------------------------------|
| 1. Ông Trần Phát Minh   | : | Chủ tịch HĐQT                   |
| 2. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn | : | Thành viên HĐQT                 |
| 3. Ông Đào Xuân Đức     | : | Thành viên HĐQT                 |
| 4. Ông Trương Tiến Dũng | : | Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc |
| 5. Ông Tạ Bá Thuyết     | : | Thành viên HĐQT                 |

Sau Đại hội thường niên 2010, các thành viên HĐQT được thay đổi theo danh sách như sau:

- |                            |                                 |
|----------------------------|---------------------------------|
| 1. Ông Trần Phát Minh      | Chủ tịch HĐQT                   |
| 2. Ông Đào Xuân Đức        | Thành viên HĐQT                 |
| 3. Ông Trương Tiến Dũng    | Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc |
| 4. Ông Phùng Công Trí Dũng | Thành viên HĐQT                 |

Ngày 12 tháng 7 năm 2011, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Thông báo số 477/TB-VP về việc kết luận thanh tra toàn diện các vấn đề liên quan đến công tác điều hành SXKD và công tác quản lý tổ chức của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn. Qua đó, UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã thống nhất theo đề xuất của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn, chọn phương án tái cấu trúc lại tổ chức và hoạt động để giúp Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn phục hồi, duy trì hoạt động, tạo công ăn việc làm cho người lao động và có điều kiện thanh toán công nợ.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh theo GCNĐKKD:

Nuôi trồng thủy sản. Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản. Mua bán, chế biến thủy hải sản. Gia công các mặt hàng thủy hải sản. Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc. Chế biến nước mắm, nước chấm. Sản xuất nước đá. Gia công hàng may mặc, các sản phẩm bằng kim loại. Sản xuất, mua bán gaz NH<sub>3</sub>. Sản xuất các loại cấu kiện từ panel nhựa xốp, gia công lắp ráp các nhà kho chứa, kho lạnh, khung nhà tiền chế, các loại vách ngăn cách nhiệt, các tấm trần bằng cấu kiện panel và tole tráng nhựa, các loại bao bì, các loại hộp thực phẩm và thức ăn nhựa bằng nhựa xốp. Mua bán xăng, dầu, nhớt các loại. Kinh doanh ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến. Mua bán bao bì, panel nhựa xốp, mua bán cấu kiện, thiết bị lạnh. Mua bán thực phẩm, công nghệ phẩm, kim khí, điện máy, xe máy, vật tư phục vụ sản xuất, nông sản, phương tiện vận tải chuyên dùng. Mua bán thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu ngư lưới cụ, rượu. Ăn uống, nhà nghỉ, massage, xông hơi, sân tennis. Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu, sửa chữa cơ điện lạnh. Cano lướt ván, chèo thuyền, câu cá giải trí. Cho thuê kho, bãi, kinh doanh bất động sản, bảo quản thịt và các sản phẩm chế biến từ thịt, chế biến bào quản rau quả.

Tại đại hội cổ đông thường niên năm 2012 cổ đông Công ty đã bầu chọn Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2012-2016) gồm các thành viên:

1. Ông Trần Phát Minh Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy Thành viên Hội đồng quản trị.
3. Ông Trương Tiến Dũng Thành viên hội đồng quản trị,

### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:

- o Đại hội đồng Cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định của công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

○ Hội đồng Quản trị.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị công ty có 03 thành viên và có nhiệm kỳ là 05 năm.

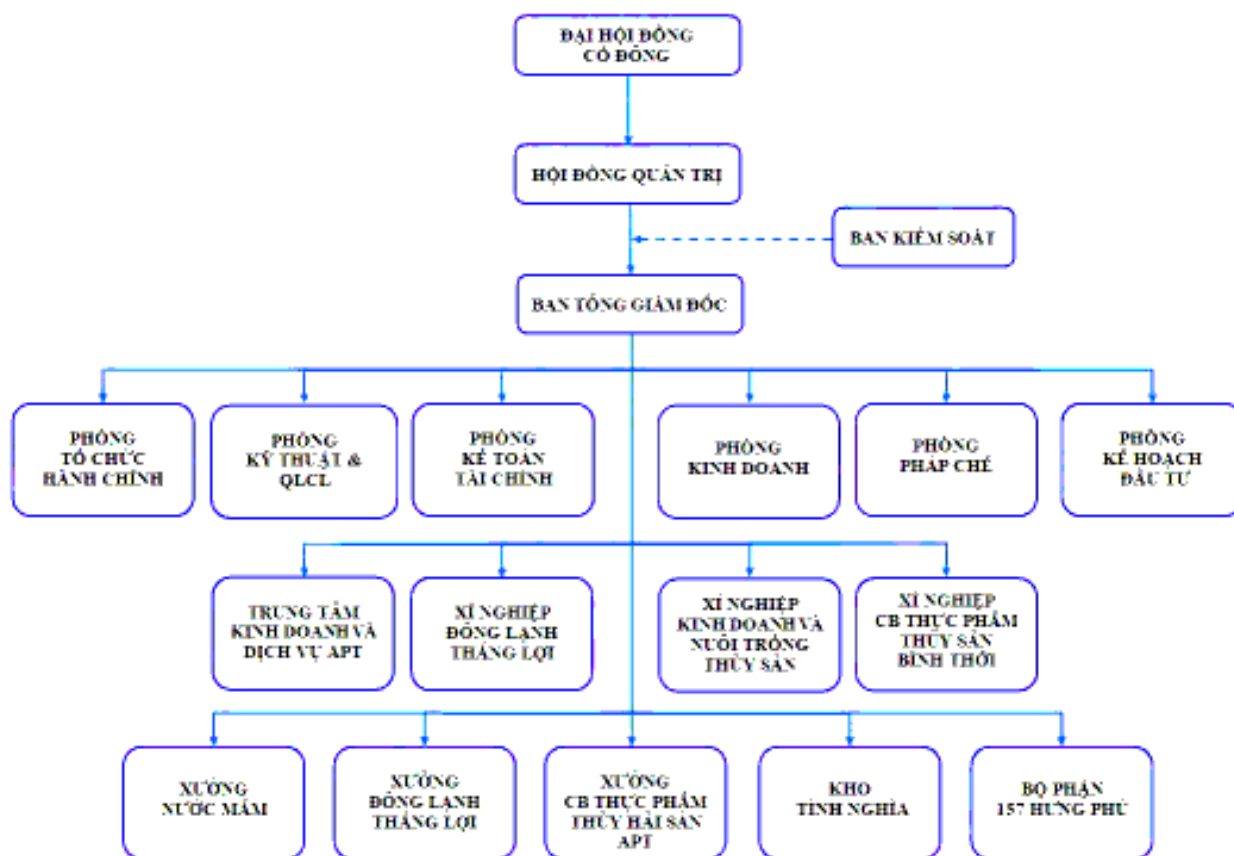
○ Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện giám sát trong việc quản lý và điều hành của công ty, kiểm tra tính hợp lý, pháp lý, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát công ty có 03 thành viên và có nhiệm kỳ tương ứng theo nhiệm kỳ của HĐQT

-Cơ cấu bộ máy quản lý:

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn:

-Cơ cấu Bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn



- Các Công ty con, Công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các Công ty con, Công ty liên kết): Không có.

5. Định hướng phát triển:

5.1. Mục tiêu tổng quán của chiến lược phát triển:

- Xây dựng phương án khả thi khai thác có hiệu quả các dự án bất động sản; Thực hiện phương án tái cấu trúc Công ty từng bước nhằm lành mạnh hóa tài chính.

- Trên tinh thần khai thác tối đa các nguồn lực sẵn có, hợp tác chặt chẽ với các đối tác trong và ngoài nước, Công ty duy trì và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm nâng cao đời sống cho người lao động.

- Công ty APT cam kết cung ứng thực phẩm chế biến thủy hải sản “*Chất lượng cao-giàu chất dinh dưỡng-an toàn và tiện lợi*”, phấn đấu trở thành một trong những thương hiệu Việt chuyên nghiệp và uy tín với người tiêu dùng.

## 5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

### 5.2.1. Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh Thủy hải sản:

#### a. Xuất khẩu:

- Phấn đấu tăng tỉ lệ sản xuất phục vụ xuất khẩu lên 30-40% công suất Nhà máy.

- Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh, tích cực phát triển các mặt hàng có tiềm năng thành những mặt hàng xuất khẩu mới, theo hướng nâng cao hiệu quả xuất khẩu. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có giá trị gia tăng cao.



- Khách hàng & thị trường: Tiếp tục giữ vững và duy trì quan hệ tốt với khách hàng truyền thống (*Hà Lan, Mỹ, Hàn Quốc và các nước Asean*), nối lại mối quan hệ với một số khách hàng ở thị trường Trung Quốc, Nhật để xuất khẩu các mặt hàng chế biến khô của Công ty. Không ngừng tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường Xuất

khẩu ở các nước khu vực: EU, Trung Đông, Châu Á, Asean ... Phấn đấu mỗi thị trường có ít nhất từ 1 – 2 khách hàng mới.

- Chỉ tiêu kim ngạch: Phấn đấu chỉ tiêu kim ngạch xuất khẩu bình quân mỗi năm tăng từ 10 - 15 %/năm.

- Mặt hàng chính: Cá biển, cá nước ngọt cấp đông và chế biến khô. Một số mặt hàng tinh chế cấp đông, và nước mắm.

#### b. Nội địa:

- Hướng đến mục tiêu APT trở thành Nhà cung ứng



thực phẩm “*An toàn – Chất lượng và Chuyên nghiệp*”. Xây dựng thương hiệu APT, nâng cao hiệu quả nhận diện thương hiệu, sản phẩm APT thông qua các chương trình quảng cáo hoặc giới thiệu sản phẩm APT đến người tiêu dùng thông qua phương tiện thông tin thông tấn báo chí, đài phát thanh, truyền hình.

- Thị trường: Tiếp tục đẩy mạnh phát triển mạng lưới phân phối, mở rộng thị trường, tăng cường đưa hàng hóa vào các siêu thị Metro/ Big C/ Lotte/ Co.op mart/ Satra mart/ Vissan/ ... , bếp ăn tập thể, khu chế xuất, khu công nghiệp, ... đặc biệt quan tâm đến các kênh chợ truyền thống.

- Mặt hàng chính: Tập trung phát triển các sản phẩm truyền thống APT (*Cá sơ chế các loại; Nước mắm các loại; Sản phẩm cá hộp; Sản phẩm khô; các mặt hàng tinh chế...*). Ngoài ra cần nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới trên cơ sở nhu cầu, xu hướng văn hóa tiêu dùng mới của khách hàng, thị trường.



-Phấn đấu đến 2016, chỉ tiêu doanh thu nội địa đạt tỷ lệ trên 40% trong cơ cấu doanh thu chung của Công ty về hoạt động sản xuất kinh doanh thủy hải sản. Chỉ tiêu lợi nhuận sẽ đạt 50% trong cơ cấu lợi nhuận của sản xuất kinh doanh thủy hải sản.

#### 5.2.2. Chiến lược phát triển kinh doanh thương mại – dịch vụ

Ngoài việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh thủy hải sản, trong chiến lược phát triển từ 2012 đến năm 2016, Công ty tập trung phát triển mạnh lĩnh vực thương mại dịch vụ như dịch vụ cho thuê kho, cho thuê văn phòng, dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác, kinh doanh ăn uống, nhà hàng,...

#### 5.2.3. Chiến lược phát triển các dự án đầu tư:

##### a. Thực hiện chương trình đầu tư phục vụ sản xuất chế biến thủy hải sản:

- Thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp sửa chữa, mở rộng sản xuất kinh doanh một cách có hiệu quả, duy trì điều kiện sản xuất luôn đạt tiêu chuẩn An toàn vệ sinh thực phẩm, Code xuất khẩu.

- Bên cạnh việc duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị cũ đã xuống cấp, Công ty cần đầu tư trang thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại nhằm nâng cao năng lực sản xuất, tăng sản lượng, giảm giá thành sản phẩm, đảm bảo tốt chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Tìm kiếm quỹ đất đầu tư và xây dựng Xưởng sản xuất chiết rót nước mắm với trang thiết bị hiện đại đạt tiêu chuẩn xuất khẩu thị trường EU, Châu Á ... tại các khu Công nghiệp hoặc khu vực quận – huyện ngoại thành.

#### 5.2.4. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực:

Công ty thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực theo hướng:

- Tiếp tục xây dựng hệ thống và bộ máy quản lý hiệu quả, theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, chất lượng và năng động.
- Tăng cường các biện pháp tuyển dụng, thu hút nguồn nhân lực có năng lực từ bên ngoài. Đẩy mạnh công tác đào tạo tại chỗ nguồn nhân lực có tay nghề.
- Có chính sách đãi ngộ nguồn nhân lực, thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.
- Xây dựng đội ngũ bán hàng có năng lực và chuyên nghiệp để có thể nắm bắt kịp thời thông tin thị trường cũng như triển khai tốt các chương trình bán hàng nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu APT ngày càng lớn mạnh.

## 6. Các rủi ro:

### *1. Rủi ro về kinh tế:*

*Tốc độ tăng trưởng cũng như những nhân tố ảnh hưởng bất lợi cho nền kinh tế toàn cầu đều ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Kinh tế thế giới hồi phục, đặc biệt tại các nước nhập khẩu thủy sản, sẽ góp phần cho việc hồi phục và tăng sức tiêu thụ hàng hóa thủy sản và làm tăng doanh số bán và hiệu quả hoạt động của Công ty và ngược lại. Bên cạnh đó, các yếu tố vĩ mô khác trong nước như tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của cả nước, lãi suất tiền gửi ngân hàng, tình hình lạm phát v.v... cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty và giá cả cổ phiếu của Công ty trên thị trường.*

### *2. Rủi ro về luật pháp:*

*Về cơ bản, nhà nước có chính sách khuyến khích và hỗ trợ hoạt động nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản. Tuy nhiên, việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới... liên quan đến hoạt động của ngành có thể ảnh hưởng tới Công ty mà nhà đầu tư phải lưu ý, đặc biệt là các văn bản chuyên ngành liên quan đến thủy sản, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường.... Mặt khác, các rủi ro liên quan đến việc thay đổi các quy định liên quan đến an toàn thực phẩm, bảo vệ người tiêu dùng, bảo hộ sản xuất... tại các nước nhập khẩu được điều chỉnh liên tục cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với hoạt động xuất khẩu thủy sản.*

*Mặt bằng kinh doanh của Công ty chủ yếu là thuê, trong đó có nhiều diện tích được thuê theo hình thức đất trả tiền hàng năm, vì thế trong thời gian tới việc điều chỉnh giá thuê đất của nhà nước sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.*

*Công ty đã là Công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán nên hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các Luật, Nghị định và các văn bản pháp luật khác liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán.*

### *3. Rủi ro đặc thù:*

*Rủi ro tỷ giá hối đoái: Tỷ giá hối đoái danh nghĩa giữa VND và các đồng tiền mạnh khác trên thế giới trong thời gian qua mặc dù được kiểm soát nhưng vẫn có những biến động rất thất thường đã gây ra những ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và thương mại và hoạt động của Công ty cũng không là ngoại lệ. Trong điều kiện thị trường tài chính vẫn chưa phát triển, các công cụ phát sinh bảo hiểm tỷ giá vẫn chưa được áp dụng thì rủi ro về tỷ giá đối với Công ty là một rủi ro mang tính khách quan khó có thể thay đổi hay giảm thiểu.*



*Rủi ro tài chính: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty yêu cầu phải có vốn rất lớn. Tuy nhiên, vốn tự có thấp và thiếu vốn lưu động. Vì vậy, các khoản nợ vay của Công ty chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản, do vậy rủi ro liên quan đến mức biến động lãi suất cho vay và rủi ro thanh khoản cũng hết sức quan trọng mà nhà đầu tư phải chú ý khi xem xét quyết định. Nợ vay ngân hàng chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản của Công ty vì thế biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của Công ty.*

*Các rủi ro liên quan đến thị trường tiêu thụ: Trong thời gian qua, sản phẩm của Công ty chủ yếu là dành để xuất khẩu nên các biến động của thị trường tại nước nhập khẩu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty và đôi lúc có thể coi là khó có thể phòng ngừa. Công ty chỉ có thể giảm thiểu bằng các biện pháp như đầu tư hiện đại hóa các quy trình sản xuất và nuôi trồng để đáp ứng được các tiêu chuẩn ngày càng khắt khe và thay đổi liên tục của các nước nhập khẩu, đa dạng hóa thị trường, quan tâm nhiều hơn đến việc mở rộng thị trường nội địa...*

*Rủi ro về nguồn nguyên liệu: Nguồn nguyên liệu thủy sản trong thời gian qua được đánh giá là thiếu ổn định cả về sản lượng và giá cả. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do việc sản xuất manh mún, thiếu quy hoạch, thiếu sự điều tiết từ phía Nhà nước... Bên cạnh đó sự gắn kết giữa các Doanh nghiệp chế biến và người nuôi trong thời gian không chắc chắn cũng dẫn đến sự không ổn định về nguyên vật liệu cho chế biến. Hiện nay, để giảm thiểu rủi ro này thì APT đã và đang đầu tư vào khâu nuôi trồng để chủ động hơn cho việc chế biến, tuy nhiên ngay cả việc tự tổ chức nuôi trồng thủy sản nguyên liệu thì Công ty cũng có thể gặp các rủi ro liên quan như chi phí thức ăn, thời tiết, chất lượng và sản lượng nuôi trồng...*

*Rủi ro liên quan đến nhân sự và quản lý: Kinh doanh và chế biến thủy sản là ngành sử dụng nhiều lao động và yêu cầu tay nghề ở mức cao, trình độ tổ chức quản lý, tổ chức sản xuất, quản lý công nợ, quản lý bán hàng... cũng ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty mà nhà đầu tư phải lưu ý khi quyết định đầu tư vào cổ phiếu Công ty.*

*Rủi về giá trị cổ phần có thể ảnh hưởng do quyết toán phần vốn Nhà nước chưa thực hiện xong: Cho đến thời điểm lập bản công bố thông tin này, mặc dù APT đã hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, tuy nhiên thủ tục bàn giao tại giai đoạn chuyển thể vẫn chưa hoàn tất do nhiều nguyên nhân khách quan. Vì vậy, khi hoàn thành thủ tục quyết toán vốn Nhà nước chính thức thì giá trị doanh nghiệp sẽ có sự thay đổi.*

#### 4. Rủi ro khác:

*Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.*

## II-TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2012	NĂM 2013
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	149.117.321.905	182.197.684.950
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2.073.746.844	1.876.137.597

<b>3</b>	<b>Doanh thu thuần</b>	<b>147.043.575.061</b>	<b>180.321.547.353</b>
4	Giá vốn hàng bán	113.914.265.247	137.904.837.346
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>33.129.309.814</b>	<b>42.416.710.007</b>
6	Doanh thu hoạt động tài chính	2.681.222.863	2.673.293.538
7	Chi phí tài chính	47.873.270.372	12.582.336.107
8	Chi phí bán hàng	19.949.692.302	22.616.942.156
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	13.239.303.399	26.584.331.605
<b>10</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(45.251.733.396)</b>	<b>(16.693.606.323)</b>
11	Thu nhập khác	1.022.689.565	480.510.423
12	Chi phí khác	48.989.175	1.419.247.134
<b>13</b>	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>973.700.390</b>	<b>(938.736.711)</b>
<b>14</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(44.278.033.006)</b>	<b>(17.632.343.034)</b>
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	
<b>16</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>(44.278.033.006)</b>	<b>(17.632.343.034)</b>

- Các nhân tố ảnh hưởng hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Sự ổn định của các nguồn cung cấp nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên liệu chính của Công ty là thủy sản nguyên liệu các loại như cá tra, cá điêu hồng, mực, nghêu, tôm... trong thời gian qua được đánh giá là có những biến động thất thường về giá cả, sản lượng cũng như chất lượng sản phẩm. Điều này đã gây ra những khó khăn trong việc chủ động về giá thành, chất lượng sản phẩm và sản lượng chế biến của Công ty, tuy nhiên đây là tình hình chung của các doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu thủy sản.

Xuất phát từ yêu cầu phải chủ động được về mặt chất lượng, sản lượng và giá thành nguyên liệu thủy sản thì trong thời gian qua bên cạnh việc tăng cường, củng cố hệ thống thu mua và chọn lọc nhà cung ứng tốt thì Công ty đã chủ động đầu tư nuôi trồng thủy sản nguyên liệu (gồm cá tra và cá điêu hồng, cá trê, cá lóc...vv), hiện nay Công ty đang thực hiện đầu tư nuôi trồng thủy sản bằng bè tại Tiền Giang, nuôi ao tại Củ Chi. Trong thời gian tới, hoạt động nuôi trồng được Công ty triển khai củng cố và tăng cường theo hướng như sau cải tiến quy trình kỹ thuật nuôi, xây dựng định mức con giống và định mức thực phẩm tối ưu để tạo ra sản phẩm sạch phục vụ xuất khẩu, hạ giá thành, tăng hiệu quả kinh doanh.

b. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Do chi phí nguyên liệu thủy sản chiếm tỷ trọng cao nhất trong chi phí sản xuất nên bất cứ sự biến động của giá cả nguyên liệu đều ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Trong trường hợp giá bán không thay đổi, giá nguyên liệu tăng sẽ giảm lợi nhuận và ngược lại sẽ tăng lợi nhuận. Chi phí nguyên vật liệu khác thường ít biến động và chiếm tỷ trọng nhỏ trong chi phí sản xuất. Tuy nhiên đối với loại vật tư phụ như xăng dầu, khi tăng giá sẽ kéo theo một loạt các chi phí sản xuất đầu vào tăng. Bên cạnh đó, nếu giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng, gây nhiều bất lợi thì Công ty sẽ chủ động thương lượng lại với khách hàng để đề nghị hỗ trợ giá bán và điều chỉnh các chào giá mới cho phù hợp.

c. Chi phí sản xuất kinh doanh:

Do đặc thù là đơn vị thu mua và chế biến hàng thủy sản xuất khẩu nên chi phí sản xuất kinh doanh của công ty chủ yếu bao gồm giá vốn hàng bán, chiếm khoảng 85-90% tổng các khoản chi phí; các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý chiếm khoảng 7-10% tổng chi phí, bên cạnh đó, do Công ty có khoản nợ vay lớn nên chi phí lãi vay cũng chiếm một tỷ lệ đáng kể trong cơ cấu chi phí khoảng 9,9%.

d. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động SX-KD năm 2013:

- Tình hình kinh tế thế giới vẫn còn diễn biến phức tạp, những rào cản thương mại tại các nước nhập khẩu tiếp tục gia tăng làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

- Kinh tế trong nước tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức, biểu hiện tăng trưởng của nền kinh tế thấp, lạm phát có giảm tốc độ tăng nhưng vẫn ở mức cao, sức mua giảm, hàng hoá tồn kho nhiều, chi phí đầu vào tăng cao, lãi suất dù đã điều chỉnh nhưng vẫn cao, nhiều doanh nghiệp đã phải giải thể hoặc tạm ngưng hoạt động.

- Sản phẩm trên thị trường nội địa đang cạnh tranh gay gắt, chiết khấu đưa hàng vào siêu thị đều ở mức trên dưới 20%/ tổng doanh thu, trong khi sức mua của nền kinh tế suy giảm, thậm chí sức tiêu dùng có thể còn tăng trưởng âm.

- Giá điện, nước và các chi phí nguyên vật liệu đầu vào đều tăng, chi phí khấu hao lớn (trên 6 tỷ/năm) cũng ảnh hưởng rất lớn đến chi phí và giá thành sản phẩm của đơn vị trong khi giá bán không tăng, thậm chí có mặt hàng còn giảm giá.

- Những công nhân làm việc lâu năm, tay nghề cao có khuynh hướng nghỉ việc để được lãnh trợ cấp. Số công nhân mới tuyển vào, chưa có sự gắn bó với Công ty, từ đó làm tăng chi phí trợ cấp nghỉ việc và phí đào tạo, năng suất lao động thấp, định mức tiêu hao nguyên vật liệu cao, năng lực cạnh tranh giảm, đồng thời những nhân viên kinh doanh có kinh nghiệm, năng lực cũng có khuynh hướng tìm cách ra đi không gắn bó với Công ty, những người mới tuyển vào thay thế chưa có kinh nghiệm trong công tác, làm hạn chế hoạt động kinh doanh.

- Các nước nhập khẩu hàng thủy sản đang tăng cường sự kiểm tra về vệ sinh an toàn thực phẩm, trong khi nguồn nguyên liệu của Việt Nam không kiểm tra, quản lý hết được việc sử dụng thuốc kháng sinh trong quá trình nuôi, cũng như cách bảo quản trong quá trình đánh bắt của ngư dân nên rất dễ bị nhiễm vi khuẩn và



kháng sinh.

Thị trường nội địa đã được củng cố lại. Công tác tổ chức sản xuất bảo đảm an toàn. Tuy thị trường trong nước sức mua bị giảm, nhưng với sự nỗ lực phấn đấu của tập thể Người lao động, doanh số bán ra mặt hàng thủy hải sản chế biến ở thị trường nội địa năm 2012 đạt 120 % so với cùng kỳ. Tuy nhiên, so với nhu cầu của thị trường, thị phần của Công ty còn thấp, chưa đủ bù đắp chi phí, mẫu mã bao bì, chất lượng, chủng loại chưa đa dạng; việc mở rộng mạng lưới phân phối còn chậm; công tác tiếp thị còn yếu.

Trong sản xuất chế biến, đã tập trung sản xuất, khai thác hết công suất máy móc thiết bị, nhà xưởng, giữ được lực lượng công nhân có tay nghề với thu nhập ổn định và đem lại hiệu quả cho Xí nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động tự doanh còn hạn chế, tỷ trọng hàng gia công lớn nên hiệu quả chưa cao.

- Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ:

a. Tình hình kiểm tra chất lượng dịch vụ:

Hoạt động kiểm tra chất lượng được thực hiện tại các đơn vị sản xuất trong Công ty, các Trạm chế biến gia công, các lô hàng thu mua từ Tỉnh, Thành phố... để đảm bảo chất lượng sản phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm cho hàng hóa của Công ty.

b. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng:

- Các đơn vị sản xuất của Công ty đã và đang áp dụng hệ thống Quản lý chất lượng theo quy định của Bộ Thủy sản và của các thị trường xuất khẩu, đó là hệ thống quản lý theo HACCP. Qua các đợt kiểm tra định kỳ của NAFIQAVED, hiện nay các Xí nghiệp của Công ty đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, tiếp tục duy trì EU Code, được đưa vào danh sách các doanh nghiệp có Code xuất khẩu vào EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nga, Anh, Canada... như sau:

o EU CODE DL 364 (European Union Code Đông Lạnh 364 ): Mã số của Nafiquaved (Cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản & Thủy sản) cấp cho đơn vị trực thuộc Công ty là Xí nghiệp đông lạnh Thăng Lợi được xuất khẩu hàng thủy sản đông lạnh vào EU và các thị trường khác (Mỹ, Nga, Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc,...), mã số này đã được EU chấp thuận.

o HACCP CODE HK 156 (Hazard Analysis Critical Control Point Code Hàng Khô 156): Mã số của Nafiquaved (Cục Quản lý chất lượng Nông Lâm sản & Thủy sản) cấp cho đơn vị trực thuộc Công ty là Xí nghiệp chế biến thực phẩm thủy sản Bình Thới được xuất khẩu hàng thủy sản khô vào các thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Nga, Anh, Canada...

o EU CODE DL 142 (European Union Code Đông Lạnh 142): Mã số của Nafiquaved (Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản & Thủy sản) cấp cho đơn vị trực thuộc Công ty là Trung tâm kinh doanh và dịch vụ APT được xuất khẩu hàng thủy sản đông lạnh sơ chế và tinh chế vào EU và các thị trường khác (Mỹ, Nga, Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc,...), mã số này đã được EU chấp thuận.

o EU CODE DL 769 (European Union Code Hàng giá trị gia tăng 769): Mã số của Nafiquaved (Cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản & Thủy sản) cấp cho đơn vị trực thuộc Công ty là Xưởng chế biến Thực phẩm Thủy hải sản APT được xuất khẩu hàng thủy sản tinh chế vào EU và các thị trường khác (Mỹ, Nga, Nhật, Hàn Quốc, Trung Quốc,...), mã số này đã được EU chấp thuận.

- Bên cạnh đó, các đơn vị sản xuất của Công ty đều được Bộ Thủy sản cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh trong chế biến thủy sản theo tiêu chuẩn ngành thủy sản và tiêu chuẩn nước ngoài.

c. Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty:

Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty thuộc Phòng Kỹ thuật và Quản lý chất lượng của Công ty, thực hiện kiểm tra giám sát chất lượng sản phẩm và vệ sinh an toàn thực phẩm tại các đơn vị sản xuất của Công ty theo kế hoạch quản lý chất lượng GMP, SSOP, HACCP được xây dựng định kỳ hàng năm trên cơ sở các tiêu chuẩn, quy định hiện hành.

Hoạt động marketing được Công ty chú trọng và thực hiện tổng hợp theo các hướng sau:

- Về mặt tổ chức: Thành lập bộ phận chuyên trách, củng cố bộ máy nhân sự, phân công hợp lý, chuyên nghiệp. Thiết lập quan hệ trực tiếp với các khách hàng đã từng mua hàng của Công ty thông qua các Công ty môi giới thương mại; xây dựng quan hệ tốt với đội ngũ thu mua, tìm kiếm nguồn hàng của các Công ty nhập khẩu thủy sản có văn phòng tại TP.HCM.

- Về hàng hóa: Công ty chủ trương mọi hàng hóa đưa ra thị trường phải đảm bảo chất lượng. Trên cơ sở đó, Công ty đã tập trung giữ vững và nâng cao chất lượng các nhóm mặt hàng chủ lực, không sản xuất các mặt hàng có doanh thu thấp, thị trường ít tiêu thụ, không hiệu quả. Ổn định chất lượng song song với cải tiến mẫu mã, bao bì và thường xuyên nghiên cứu sản phẩm mới phù hợp với thị hiếu (Phòng Kỹ thuật & QLCL phối hợp với Phòng Kinh doanh và Trung tâm Kinh doanh dịch vụ APT). Có kế hoạch dự trữ các mặt hàng chủ yếu, không để thiếu hàng kể cả trong các đợt Lễ, Tết. Đối với hoạt động xuất khẩu, Công ty xác định tập trung vào các mặt hàng chủ động được nguồn nguyên liệu, gắn kết hoạt động nuôi trồng với xuất khẩu.

- Về mạng lưới: Tiếp tục giữ vững ổn định khách hàng truyền thống, tích cực tìm kiếm khách hàng mới, thị trường mới để bù đắp cho các thị trường đang gặp khó khăn, tìm thêm khách hàng xuất khẩu ủy thác. Đối với thị trường nội địa, Công ty chủ trương tiếp tục sắp xếp và mở rộng mạng lưới đại lý, hình thành và phát triển Đại lý cấp 1 ở các Tỉnh và Thành phố lớn, phát triển thị trường bán lẻ ở Hà Nội và các Tỉnh phía Bắc. Liên kết và phối hợp với các thành viên trong hệ thống Satra Group để mở rộng hệ thống phân phối, đa dạng hóa mặt hàng kinh doanh. Tăng cường đưa hàng vào các siêu thị, bếp ăn tập thể, trường học, KCN, KCX, thường xuyên tổ chức bán hàng lưu động. Thiết lập và tổ chức mạng lưới tiêu thụ cá tươi, cá thu hoạch từ nuôi trồng ra các tỉnh miền Đông Nam Bộ, miền Trung, phía Bắc.



- Về Quảng cáo, tiếp thị: Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường, tăng cường tìm hiểu nhu cầu và phản hồi của khách hàng, tăng cường hoạt động quảng cáo, khuyến mãi, kết hợp tham gia tốt các hội chợ trong nước và quốc tế để quảng bá thương hiệu và sản phẩm. Cùng cố trang Web của Công ty để thường xuyên đưa thông tin và nắm thông tin của khách hàng qua mạng internet, có kế hoạch thông tin thường xuyên cho khách hàng để thu hút khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại thông qua các cơ quan xúc tiến thương mại nước ngoài tại TP.HCM, cơ quan xúc tiến thương mại của Bộ, Ngành và Hiệp Hội để tìm kiếm khách hàng, thị trường mới.

## 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: Ban Tổng Giám Đốc gồm 03 người bao gồm một Tổng Giám Đốc và hai Phó Tổng Giám đốc.

### 2.1. Ông Trương Tiến Dũng: Tổng Giám đốc

- Sinh ngày: 23/11/1975;

- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: nam ;

- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*đại diện vốn nhà nước*): 1.760.198 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ: 20% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.

- Trình độ văn hóa: 12/12;

- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật, Thạc sĩ Kinh tế.

\* Quá trình công tác:

- Từ tháng 06/2000: Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty CP XNK TH&ĐT TP.HCM (Imexco);

- Từ tháng 08/2000: Nhân viên Phòng Kế hoạch Xuất nhập khẩu Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty Imexco;

- Từ tháng 05/2001: Tổ trưởng Tổ kinh doanh Hàng nội địa thuộc Phòng Kế hoạch Xuất nhập khẩu Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty Imexco;

- Từ tháng 10/2003: Phó phòng Tổ chức Hành chính Xí nghiệp May xuất khẩu Vitexco thuộc Công ty Imexco, Bí thư Đoàn Công ty Imexco;

- Từ tháng 07/2005: Phó Giám đốc Chi nhánh Imexco- Bình Thuận;

- Từ tháng 08/2005: Phó Bí thư Đoàn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn;

- Từ tháng 09/2005: Bí thư Đoàn Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn;

- Từ tháng 10/2005 Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Tổng Công ty Thương Mại SG (SATRA)

- Từ tháng 10/2007 Ủy viên Ban Thường vụ Thành đoàn TP.HCM.

- Từ ngày 15/07/2009 đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn, Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ SATRA.

## 2.2. Ông Đào Quốc Hải: Phó Tổng Giám đốc.

- Sinh ngày: 10/12/1954;

- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: nam;

- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu: 1.700 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ: 0,00019% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.

- Trình độ văn hóa: 12/12;

- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Cử nhân Kinh tế Thương nghiệp, Cử nhân Kế toán Tài chính Doanh nghiệp.

\* Quá trình công tác:

- Từ ngày 01/1996: Nhận công tác tại Công ty Kinh doanh Thủy hải sản Thành phố Hồ Chí Minh;

- Từ ngày 10/05/1996: Quyền Trưởng Phòng Kế toán tài vụ Xí nghiệp Đông lạnh Thắng lợi trực thuộc Công ty APT;

- Từ ngày 02/07/1997: Phó Phòng Kế toán tài vụ Công ty Kinh doanh Thủy hải sản Thành phố Hồ Chí Minh;

- Từ ngày 09/08/1997: Quyền Trưởng Phòng Kế toán tài vụ Công ty Kinh doanh Thủy hải sản Thành phố Hồ Chí Minh;

- Từ ngày 03/03/1998: Trưởng Phòng Kế toán tài vụ Công ty Kinh doanh Thủy hải sản Thành phố Hồ Chí Minh;

- Từ ngày 26/10/2004: Phó Giám đốc Công ty Kinh doanh Thủy hải sản Thành phố Hồ Chí Minh;

- Từ ngày 02/01/2007 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

## 2.3. Ông Mai Minh Vương: Phó Tổng Giám Đốc

- Sinh ngày: 02/03/1975;

- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: nam.

- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*đại diện hợp pháp/ đại diện theo ủy quyền của nhóm cổ đông*): 500 Cổ phiếu APT, chiếm tỷ lệ: 0,00568% trên tổng số 8.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn hiện đang lưu hành.

- Trình độ văn hóa: 12/12;

- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Kỹ sư Công nghệ Chế biến Thủy sản, Cử nhân Kinh tế.

\* Quá trình công tác:

- Từ tháng 02/2000: Công nhân Tổ tiếp nhận Xưởng chế biến;

- Từ tháng 01/2006: Phó Quản đốc Xưởng Đồ hộp thuộc Xí nghiệp Đông lạnh Thắng lợi;

- Từ tháng 08/2006: Phó Quản đốc Xưởng Tân Tạo thuộc Xí nghiệp Đông lạnh Thắng lợi;

- Từ tháng 10/2009: Quản đốc Xưởng Đông lạnh Thắng lợi;

- Từ tháng 10/2011 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.

#### 2.4. Bà Phạm Nguyệt Ánh: Kế Toán trưởng

- Sinh ngày: 06/09/1964;

- Quốc tịch: Việt Nam, giới tính: nữ.

- Số lượng cổ phiếu đang sở hữu (*đại diện hợp pháp/ đại diện theo ủy quyền của nhóm cổ đông*): không.

- Trình độ văn hóa: 12/12;

- Trình độ chuyên môn và các văn bằng, chứng chỉ có liên quan: Cử nhân Tài chính Kế toán.

\* Quá trình công tác:

- Từ tháng 01/1995: Nhân viên Kế toán Trạm Kinh doanh Thương mại thuộc Công ty Kinh doanh Thủy hải sản Thành phố Hồ Chí Minh;

- Từ tháng 01/1996: Trưởng Cửa hàng Thương mại Dịch vụ Ăn uống An lạc kiêm Kế toán Cửa hàng trực thuộc Trạm Kinh doanh Thương mại;

- Từ tháng 07/1997: Kế toán Xí Nghiệp Bình Điền thuộc Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu thuộc Công ty Kinh doanh Thủy hải sản Thành phố Hồ Chí Minh;

- Từ tháng 07/2001: Trưởng phòng Kế toán tài vụ Xí nghiệp Nông Hải Sản;



- Từ tháng 08/2008: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn kiêm Trưởng phòng Kế toán Xí nghiệp thu mua Cung ứng Nông hải sản Xuất khẩu;
- Từ tháng 08/2009 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn.
  - Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có.
  - Số lượng Người lao động. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với Người lao động.

Tổng số lao động trong Công ty tính đến thời điểm 31/12/2013 là 505 người, trong đó:

STT	Phân loại hợp đồng	Số người	Tỷ trọng (%)
I	Phân theo thời hạn hợp đồng:		
1	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	273	54,06
2	Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 3 tháng đến 36 tháng	181	35,84
3	Lao động thời vụ	51	10,10
II	Phân theo giới tính:		
1	Lao động nam	270	53,47
2	Lao động nữ	235	46,53
III	Phân theo trình độ:		
1	Sau đại học, đại học	52	10,30
2	Cao đẳng, trung học chuyên nghiệp	62	12,28
3	CNKT và trình độ khác	391	77,42

*Nguồn: P.TCHC APT*

#### ❖ Chế độ làm việc và chính sách lương thưởng, trợ cấp cho Người lao động

##### a. Chính sách đào tạo:

Đào tạo bên trong: được tổ chức tại Công ty với hình thức đào tạo là ngắn hạn và tập trung. Nội dung đào tạo là nâng bậc tay nghề, quản lý sản xuất, quản lý chất lượng; Đối tượng đào tạo: KCS, cán bộ từ tổ phó trở lên, công nhân.

Đào tạo bên ngoài: Gửi đi đào tạo tại các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp; Hình thức đào tạo: dài hạn, ngắn hạn; Nội dung đào tạo: chế biến thủy sản, tài chính kế toán, quản trị kinh doanh, quản lý chất lượng; Đối tượng đào tạo: Cán bộ quản lý, nhân viên các Phòng ban, KCS. Toàn bộ kinh phí đào tạo do Công ty đài thọ.

Đến nay hầu hết cán bộ quản lý tại các Phòng ban, Xưởng đều đã học qua các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Việc đào tạo được tiến hành kết hợp song song với việc tích cực áp dụng hệ thống quản lý chất lượng HACCP, SSOP.

##### b. Chính sách tiền lương, thưởng:

Tiền lương: Được trả trực tiếp cho người lao động, gồm: Công nhân trực tiếp sản xuất; được trả lương theo sản phẩm làm ra. Cán bộ quản lý, nhân viên văn phòng: được trả lương theo hệ số do Công ty ban hành.

Chế độ ngoài lương chính: Làm thêm giờ, làm thêm ngày chủ nhật, tiền ăn giữa ca, nghỉ phép, nghỉ lễ ...: theo Luật lao động.

Thưởng: Công ty áp dụng chính sách thưởng định kỳ vào cuối năm và thưởng đột xuất: Áp dụng đối với các trường hợp có thành tích xuất sắc trong sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm. mức thưởng căn cứ vào thành tích và hiệu quả mang lại.

c. Chính sách trợ cấp:

Công ty trợ cấp đột xuất cho các trường hợp người lao động bị bệnh hiểm nghèo, tai nạn lao động, thiên tai hỏa hoạn, Công ty xét trợ cấp trên cơ sở đề nghị của Ban Chấp hành Công đoàn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn: Không có

b) Các Công ty con, Công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết). Không có.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Tổng giá trị tài sản	137.831.038.261	144.973.913.482
Doanh thu thuần	147.043.575.061	180.321.547.353
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(45.251.733.396)	(16.693.606.323)
Lợi nhuận khác	973.700.390	(938.736.711)
Lợi nhuận trước thuế	(44.278.033.006)	(17.632.343.034)
Lợi nhuận sau thuế	(44.278.033.006)	(17.632.343.034)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		

– Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0.198	0.215	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho	0.134	0.147	

Nợ ngắn hạn			
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	2,789	2.821	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	-1,556	-1.541	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	5,06	5	
<u>Giá vốn hàng bán</u>	114 tỷ	138 tỷ	
Hàng tồn kho bình quân	22 tỷ 5	27 tỷ 5	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,066	1.244	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,301	-0.098	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0.178	-0.066	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,321	-1,122	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0.308	-0.093	
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: 8.800.000 cổ phần trong đó có 505.600 cổ phần hạn chế chuyển nhượng, tất cả số cổ phần trên đều là cổ phần phổ thông..

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

*Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2013*

Danh mục	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Số cổ phần	%	Số cổ phần	%	Số cổ phần	%
Vốn nhà nước do Tổng công ty Thương mại Sài Gòn – Satra làm đại diện	2.640.198	30	-	-	2.640.198	30
Ông Trần Phát Minh	3.207.602	36,45	-	-	3.207.602	36,45
Cổ đông nội bộ (155 người)	430.800	4,9			430.800	4,9
Cổ đông bên ngoài (278 người)	2.521.400	28,65	-	-	2.521.400	28,65

Tổng cộng	8.800.000	100,00	-	-	8.800.000	100,00
-----------	-----------	--------	---	---	-----------	--------

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.
- e) Các chứng khoán khác: Không có.

### **III-BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH -TÌNH HÌNH CHUNG NĂM 2013.**

Bước vào năm 2013 Công ty đối mặt với những thách thức khó khăn to lớn do hậu quả của những thua lỗ khó khăn của giai đoạn sau cổ phần hóa đến khi có kết luận Thanh tra, thêm vào đó cuộc khủng hoảng kinh tế trong và ngoài nước vẫn đang tiếp diễn dẫn đến đôi lúc Ban Điều hành và tập thể Công nhân Công ty tưởng chừng như không thể vượt qua được.

#### 1. Khó khăn:

- Tình hình kinh tế thế giới vẫn còn diễn biến phức tạp, những rào cản thương mại tại các nước nhập khẩu tiếp tục gia tăng làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

- Kinh tế trong nước tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức, biểu hiện tăng trưởng của nền kinh tế thấp, lạm phát có giảm tốc độ tăng nhưng vẫn ở mức cao, sức mua giảm, hàng hoá tồn kho nhiều, chi phí đầu vào tăng cao, lãi suất dù đã điều chỉnh nhưng vẫn cao, nhiều doanh nghiệp đã phải giải thể hoặc tạm ngưng hoạt động.

- Sản phẩm trên thị trường nội địa đang cạnh tranh gay gắt, chiết khấu đưa hàng vào siêu thị đều ở mức trên dưới 20%/ tổng doanh thu, trong khi sức mua của nền kinh tế suy giảm, thậm chí sức tiêu dùng có thể còn tăng trưởng âm.

- Giá điện, nước và các chi phí nguyên vật liệu đầu vào đều tăng, chi phí khấu hao lớn (trên 6 tỷ/năm) cũng ảnh hưởng rất lớn đến chi phí và giá thành sản phẩm của đơn vị trong khi giá bán không tăng, thậm chí có mặt hàng còn giảm giá .

- Những công nhân làm việc lâu năm, tay nghề cao có khuynh hướng nghỉ việc để được lãnh trợ cấp. Số công nhân mới tuyển vào, chưa có sự gắn bó với Công ty, từ đó làm tăng chi phí trợ cấp nghỉ việc và phí đào tạo, năng suất lao động thấp, định mức tiêu hao nguyên vật liệu cao, năng lực cạnh tranh giảm, đồng thời những nhân viên kinh doanh có kinh nghiệm, năng lực cũng có khuynh hướng tìm cách ra đi không gắn bó với Công ty, những người mới tuyển vào thay thế chưa có kinh nghiệm trong công tác, làm hạn chế hoạt động kinh doanh.

- Các nước nhập khẩu hàng thủy sản đang tăng cường sự kiểm tra về vệ sinh an toàn thực phẩm, trong khi nguồn nguyên liệu của Việt Nam không kiểm tra, quản lý hết được việc sử dụng thuốc kháng sinh trong quá trình nuôi, cũng như cách bảo quản trong quá trình đánh bắt của ngư dân nên rất dễ bị nhiễm vi khuẩn và kháng sinh.

#### 2. Thuận lợi:

- Sự quan tâm, động viên và hỗ trợ từ phía lãnh đạo Tổng Công ty TM Sài Gòn TNHH MTV trong công tác tái cấu trúc và ổn định sản xuất kinh doanh.

- Sự đồng thuận của cổ đông, sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời của HĐQT Công ty trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác tái cấu trúc đã giúp Công ty từng bước ổn định đời sống vật chất và tinh thần của người lao động.

- Ban Tổng Giám đốc, Đảng ủy, các Đoàn thể và người lao động đã luôn luôn đoàn kết quyết tâm vượt qua những khó khăn nhằm ổn định tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với một diện mạo mới, sức sống mới.

- Một số thị trường xuất khẩu: Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ,... đang có sự tăng trưởng trở lại về tiêu thụ hàng thủy sản Việt Nam.

- Các Xưởng Chế biến được sửa chữa nâng cấp thường xuyên nên qua các đợt kiểm code xuất khẩu đều đạt loại B đây là điều kiện thuận lợi để phát triển thị trường nội địa, xuất khẩu và thương hiệu APT.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2013:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2013	Thực hiện năm 2013	% thực hiện/ KH
A	B	1	2	3 =2/1*100%
- Doanh thu	Tỷ đồng	175	180,321	103%
- Kim ngạch XK	USD	4.000.000	3.497.270	88%
- Lợi nhuận	Tỷ đồng	4	4,544	113%
- Đầu tư – sửa chữa	Tỷ đồng	4,761	4,726	99,3 %
- Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	Triệu đồng	4,2	4,42	105 %

*(Chỉ tiêu lợi nhuận trên là thuần túy từ kết quả hoạt động kinh doanh, không tính phân phát sinh lỗ của những năm trước đây, lãi phải trả cho Ngân hàng Phương Nam và các khoản trích lập dự phòng và hoàn nhập (nếu có)).*

## III. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ:

### 1. Những mặt làm được:

- **Công tác điều hành:** Dù trong điều kiện gặp khó khăn về mọi mặt, nhưng Ban điều hành Công ty đã luôn luôn động viên tư tưởng cho người lao động an tâm gắn bó và làm việc hết mình vì sự tồn tại của Công ty. Ban điều hành, Đảng ủy, các đoàn thể và tập

thể người lao động đã đoàn kết cùng Công ty vượt qua khó khăn thực hiện hoàn thành những chỉ tiêu của kế hoạch 2013 về doanh thu, lợi nhuận và thu nhập bình quân của người lao động. Kết quả hoạt động SXKD năm 2013, Doanh thu thực hiện 180 tỷ 321 triệu đồng đạt 103% kế hoạch (175 tỷ đồng), đồng thời với biện pháp quản lý chặt chẽ chi phí, định mức tiêu hao nguyên vật liệu, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí tại đơn vị, phần lớn các chi phí như vật dụng, công cụ, dụng cụ, sửa chữa, vật tư, bao bì đều giảm hơn so với cùng kỳ nên chỉ tiêu lợi nhuận và thu nhập của người lao động đều vượt so với kế hoạch, cụ thể lợi nhuận thực hiện 4 tỷ 544 triệu đồng đạt 110% kế hoạch (4 tỷ), thu nhập bình quân thực hiện 4.420.000đ/người đạt 105% kế hoạch (4.200.000đ/người).

#### **- Công tác Sản xuất chế biến:**

+ Hoạt động sản xuất chế biến của Công ty năm 2013 thực hiện 7.050 tấn đạt 107% kế hoạch (6.605 tấn), trong đó Xưởng Đông lạnh Thăng Lợi thực hiện 6.180 tấn đạt 110,3% kế hoạch (5.600 tấn), Xưởng Chế biến thực phẩm Thủy hải sản APT thực hiện 870 tấn đạt 86,5 % kế hoạch (1.005 tấn).

+ Thường xuyên xây dựng và hoàn thiện các định mức sản xuất, định mức năng suất lao động phù hợp với thực tế làm cơ sở cho việc quản lý chi phí trong hoạt động sản xuất cho Xưởng Thăng Lợi, Xưởng Chế biến thực phẩm Thủy hải sản APT, Xưởng đồ hộp, Xưởng Nước mắm.

+ Tăng cường công tác quản lý chặt chẽ quy trình sản xuất, bảo đảm cơ sở vật chất luôn đạt yêu cầu về VSATTP, duy trì code xuất khẩu và công tác quản lý chất lượng là một trong những tiêu chí hàng đầu trong hoạt động sản xuất.

+ Hoạt động sản xuất đã tận dụng tối đa công suất máy móc thiết bị, đạt trên 90% công suất nhà máy, trong đó hàng tự doanh chiếm 30%/ tổng sản lượng sản xuất và trong cơ cấu hàng tự doanh thì hàng xuất khẩu chiếm 60% và nội địa chiếm 40%.

#### **- Công tác kinh doanh xuất khẩu:**

+ Kim ngạch xuất khẩu trực tiếp thực hiện 3.150.000 USD đạt 95% kế hoạch (3.300.000 USD).

+ Duy trì được một số khách hàng xuất khẩu truyền thống, đồng thời mở rộng thêm thị trường và khách hàng mới, phát triển thêm một số mặt hàng mới, trong đó mặt hàng chủ lực cá Điều hồng, cá trê, cá lóc, cá rô,... có nguồn nguyên liệu do Công ty tự nuôi trồng.

+ Ngoài ra, Công ty đã xuất thử nghiệm một số mặt hàng chả giò, đậu bắp qua thị trường Hàn Quốc và đã được thị trường Hàn Quốc tiếp nhận, xuất hành phi cho thị trường Hồng Kông, xuất sào riêng cho thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc,... Đến nay, số khách hàng này đã dần đi vào ổn định và thường xuyên đặt hàng hơn.

#### **- Công tác kinh doanh nội địa:**

+ Là đơn vị chuyên cung cấp sản phẩm tinh chế, chế biến cho thị trường nội địa và phần lớn sản phẩm bán ra của Công ty là các hệ thống siêu thị, Metro, Big C,... Năm 2013, tình hình nguyên liệu khan hiếm nên giá nguyên liệu đầu vào liên tục tăng trong khi giá bán ra tại các siêu thị vẫn giữ nguyên mặt khác chi phí chiết khấu cho siêu thị quá cao nên hoạt động chưa có hiệu quả và doanh thu thực hiện 32 tỷ đồng đạt 91,4% kế hoạch (35 tỷ đồng).

+ Trong thời gian qua, đối với hàng tiêu dùng nội địa, công ty đã thay đổi được nhiều mẫu mã mới, đồng thời thu hẹp bớt những sản phẩm không phù hợp, thay đổi phương án tiếp thị bằng hình thức đưa các sản phẩm dùng thử đến tận tay người tiêu dùng.

+ Hiện tại Công ty có 37 sản phẩm đưa ra thị trường, các sản phẩm có mặt nhiều nhất là hệ thống Satrafoods với hơn 20 chủng loại sản phẩm.

- **Công tác Nuôi trồng:** Trong lĩnh vực nuôi trồng, có những khởi sắc trở lại so với những năm trước đây, đã có những chuyển biến rõ rệt trong quản lý, đã từng bước nắm bắt được định mức, tiêu hao nguyên vật liệu, qua đó không những đã khắc phục tình trạng lỗ trước đây mà còn có hiệu quả góp phần tích cực cùng công ty hoàn thành nhiệm vụ trong kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013. Kết quả hoạt động nuôi trồng năm 2013: Doanh thu thực hiện 16,7 tỷ đồng đạt 115% kế hoạch (14,5 tỷ đồng), về sản lượng thực hiện 498 tấn đạt 101%/ KH (490 tấn).

- **Công tác tổ chức:** Công ty quyết liệt trong tổ chức, sắp xếp tinh gọn lại bộ máy gián tiếp của khối văn phòng, bộ máy quản lý điều hành các Xưởng, cơ cấu các Phòng ban hợp lý, phân công chức năng nhiệm vụ và mối quan hệ giữa văn phòng Công ty và các Xưởng một cách khoa học phù hợp với nhu cầu hoạt động SXKD trong giai đoạn hiện nay, cải tiến tiền lương phù hợp với năng lực của người lao động, tổ chức chăm lo sức khỏe và tinh thần cho người lao động. Công ty đã tổ chức các lớp học văn hóa doanh nghiệp cho người lao động để nâng cao ý thức tự giác chấp hành nội quy về giờ giấc, sinh hoạt, giải tỏa sức ỳ, tạo mối quan hệ ứng xử văn minh trong công việc.

- **Công tác đầu tư:** Công ty mạnh dạn đầu tư, nâng cấp và bổ sung máy móc, nhà xưởng bảo đảm duy trì điều kiện sản xuất đạt tiêu chuẩn code châu Âu và ATVSTP, nâng cao chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh trên cơ sở đó phát triển thị trường và thương hiệu APT. Tổng giá trị đầu tư thực hiện trong năm 2013: 4,726 tỷ đồng.

- **Công tác quản lý tài chính:** Thực hiện việc kiểm tra chấp hành quy định của pháp luật về quản lý tài chính, kế toán, thuế. Theo dõi giám sát không để hàng hóa tồn kho cao và phát sinh công nợ khó đòi, cải thiện được tình hình tài chính phục vụ cho nhu cầu kinh doanh.

- **Công tác tái cấu trúc:** Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại Thông báo số 477/TB-VP ngày 12/07/2011, Ban điều hành công ty APT

đã khẩn trương lập phương án khai thác sử dụng các mặt bằng hiện hữu, tiến hành các thủ tục theo qui định để lập hồ sơ trình các cơ quan, ban ngành chức năng và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét quyết định bán chỉ định theo giá thị trường 15 mặt bằng cho Công ty APT để thực hiện phương án tái cấu trúc lại tổ chức và hoạt động. Căn cứ các văn bản trả lời của các sở, ngành chức năng thì 15 mặt bằng Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn đang làm thủ tục xin mua chỉ định thì về quy hoạch sử dụng đất có 13 mặt bằng phù hợp quy hoạch, có 02 mặt bằng vướng quy hoạch là Khu đất Trại cá huyện Củ Chi và mặt bằng 157 Hưng Phú, phường 8, quận 8. Ngày 12/11/2013, Văn phòng UBND TP.HCM có công văn thông báo kết luận của Chủ tịch UBND TP chấp thuận chủ trương bán chỉ định cho Công ty theo giá thị trường, và Công ty phải xây dựng phương án khai thác phù hợp với quy hoạch của Thành Phố và chức năng kinh doanh của Công ty.

- **Công tác Quyết toán Công trình Tân Tạo:** sau khi có ý kiến kết luận của Kiểm toán nhà nước về các công trình sử dụng vốn ngân sách của TPHCM, trong đó có công trình Tân Tạo, Công ty đã nộp hồ sơ quyết toán cho Sở Tài chính, sau đó UBND TP. Hồ Chí Minh đã có quyết định số 4585/QĐ-UBND ngày 26/08/2013 duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án đầu tư xây dựng nhà máy chế biến Thủy hải sản tại Khu CN Tân tạo để di dời một số Xí nghiệp trong nội thành của Công ty APT với giá trị quyết toán là **75.609.677.725 đồng** và được ghi tăng giá trị tài sản cố định là **75.609.677.725 đồng**. Việc quyết toán xong công trình Tân Tạo là cơ sở để tiến tới Công ty quyết toán giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước.

- **Công tác khởi kiện và thu hồi công nợ:**

+ **Tình hình khởi kiện:** Đã thực hiện chỉ đạo của UBND TP.HCM về việc khởi kiện 03 cá nhân sai phạm theo kết luận thanh tra với kết quả: Tòa Án bác yêu cầu khởi kiện 01 vụ, 01 vụ Tòa án tạm ngừng chờ xác nhận cơ quan điều tra về việc có khởi tố hình sự hay không? 01 vụ bị đơn lẩn trốn do đó Tòa án 02 lần trả đơn Công ty đã yêu cầu Tòa Án làm thủ tục tìm kiếm người vắng mặt.

Như vậy trong năm 2013 Công ty đã khởi kiện 10 vụ trị giá 44.269.892.766 đồng với kết quả đã giải quyết xong 02 vụ. Trong đó Tòa án 2 cấp đã bác yêu cầu 01 vụ trị giá 553.560.870 đồng.

Công ty bị kiện 03 vụ trong đó có 02 vụ là vụ việc xảy ra năm 2004-2007.

+ **Tình hình thi hành án và thu nợ trong năm 2013:**

. Tổng số 12 vụ với số tiền là 58.143.047.639đ và 81.884,78 USD bao gồm:

*Đã thi hành án xong: 01 vụ: 309.347.184 đồng*

*Đang chờ giải quyết: 04 vụ với số tiền 1.251.813.592 đồng;*



Tồn đọng: 07 vụ không có khả năng thi hành án với số tiền 56.891.234.047đ và 81.884,78 USD. Do người phải thi hành án không còn tài sản hoặc bỏ trốn.

+ Với sự nỗ lực và bằng nhiều biện pháp, trong năm 2013 Công ty đã thu được số tiền **511.417.009** đồng.

**- Đối với công tác xử lý kỷ luật:**

Về xử lý theo kết luận Kết luận số 400/KL-TTTP-P Thanh tra toàn diện của Thanh Tra TP Hồ Chí Minh ngày 05 tháng 8 năm 2010, các vấn đề liên quan đến công tác điều hành SXKD và công tác quản lý tổ chức của Công ty từ tháng 01/2007 đến 30/6/2009. HĐQT đã đề nghị và có Quyết định tạm đình chỉ chức vụ TGD, 01 Phó TGD, Kế toán trưởng Công ty và 01 Giám đốc Xí nghiệp. Đồng thời, giải quyết nghỉ không hưởng lương một số lãnh đạo Công ty, Phòng, Đơn vị có liên quan chờ kết luận của Cơ quan Điều tra.

Tiếp tục thực hiện chỉ đạo của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc xử lý kỷ luật một số cá nhân có liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh và công tác quản lý tổ chức của Công ty APT từ ngày 01/01/2007 đến 31/07/2009. Trong năm 2013, Công ty đã tiến hành xử lý kỷ luật về mặt tổ chức đối với các cá nhân sau:

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ trong thời gian vi phạm	Hình thức kỷ luật lao động	Hình thức kỷ luật Đảng
1	Nguyễn Văn Công Hậu	01/12/1959	Phó TGD GD XN Bình Thới	Kéo dài thời hạn nâng lương 06 tháng	Cách chức
2	Lê Văn Hải	03/11/1962	Phó TGD GD XN ĐL Thăng Lợi	Kéo dài thời hạn nâng lương 06 tháng	Cách chức
3	Nguyễn Doãn Đức	28/06/1961	Phó TGD GD XN Chợ Lớn	Sa thải	Cách chức
4	Lê Thị Mai Khanh	12/12/1965	Kế Toán trưởng	Cách chức	Cách chức
5	Phan Trọng Hiệp	22/11/1957	GD XN Nuôi Trồng	Sa thải	Khai trừ
6	Nguyễn Song Ngọc Quốc Hùng	02/01/1971	GD TT APT TP.KD Công ty	Kéo dài thời hạn nâng lương 06 tháng	
7	Vũ Tuấn Nguyên	31/03/1972	Trạm trưởng Trạm Bình Đại, Bến Tre	Sa thải	

8	Đặng Quốc Trường	10/11/1974	Trạm trưởng Trạm NTTS Vĩnh Long 1	Sa thải	Cảnh cáo
9	Võ Lương Phương Trọng	1973	Trạm trưởng Trạm NTTS Vĩnh Long 2	Sa thải	
10	Dương Công Minh	05/10/1974	PGD XN CB TP TS Chợ Lớn	Khiển trách	Khiển trách

- **Chương trình liên kết hợp tác trong hệ thống Tổng Công ty:** Trong năm 2013 Công ty đã ký kết hợp đồng mua bán, ký gửi hàng hóa bán buôn trong hệ thống Satrafood, Satramart, Thương xá Tax, Siêu thị Sài Gòn, Vissan với doanh thu 3,6 tỷ đồng và hợp đồng gia công cho Công ty Vissan doanh thu năm 2013 đạt 2,3 tỷ đồng.

## 2. Những mặt hạn chế:

**2.1** Trong năm 2013, mặc dù thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận nhưng Công ty đã chưa đạt chỉ tiêu kim ngạch xuất khẩu và hoạt động kinh doanh nội địa không có hiệu quả là do các nguyên nhân chính như sau:

- Ngoài những nguyên nhân khách quan về tình hình kinh tế trong và ngoài nước bị suy giảm, thì nguyên nhân chủ quan kim ngạch xuất khẩu chưa đạt là do Công ty chủ động giảm hoạt động ủy thác để bảo đảm an toàn cho các code xuất khẩu của Công ty, về kim ngạch xuất khẩu trực tiếp, Công ty chủ động giảm bớt các khách hàng mà năng lực tài chính kém, điều kiện thanh toán không tốt.

- Tình hình kinh tế trong nước suy giảm, thị trường bán lẻ trong nước ế ẩm, ảm đạm. Hàng nội địa cạnh tranh trong ngành thực phẩm trên thị trường ngày càng khốc liệt trên tất cả các kênh phân phối, tỷ lệ chiết khấu của các siêu thị ngày càng cao mức trên dưới 20%/doanh thu và các điều kiện để đưa hàng vào siêu thị cũng gặp nhiều khó khăn.

- Sản phẩm tiêu thụ phần lớn là các sản phẩm truyền thống từ những năm trước không phù hợp với nhu cầu thị hiếu ngày càng cao của người tiêu dùng.

- Giá điện, nước, chi phí tiền lương đều điều chỉnh tăng, các chi phí nguyên vật liệu đầu vào tăng, chi phí khấu hao lớn cũng ảnh hưởng rất lớn đến chi phí và giá thành sản phẩm.

- Các nước nhập khẩu hàng thủy sản đang kiểm tra ngày một ngặt nghèo hơn về vệ sinh an toàn thực phẩm.

**2.2** Quyết toán giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước chưa xong.

## **IV-. PHƯƠNG HƯỚNG SXKD NĂM 2014:**

### **ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:**

#### 1. Thuận lợi:

- Kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã có bước cải thiện, lạm phát giảm, tỷ giá ổn định.
- Công tác tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đi vào ổn định.
- Công tác nuôi trồng tại Trại cá Củ Chi bước đầu đi vào hoạt động đã cung ứng được một phần nguồn nguyên liệu cá trê Xuất khẩu cho Phòng Kinh doanh và bắt đầu có hiệu quả.
- Công tác tái cấu trúc đang tiến triển thuận lợi.

## 2. Khó khăn:

- Dự báo một số khó khăn đối với nền kinh tế hiện nay sẽ tiếp diễn trong những năm tiếp theo bởi chưa có dấu hiệu cho thấy sự phục hồi mạnh trong thời gian tới mặc dù đã có cải thiện. Trong khi đó, theo đánh giá của các tổ chức quốc tế, kinh tế toàn cầu vẫn trong xu thế phục hồi yếu và không ổn định.

- Thị trường xuất khẩu ngày càng khó khăn do các nước nhập khẩu tăng cường quy định kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, trong khi đó hầu hết các mặt hàng cá nước ngọt trong nước hiện nay đều bị nhiễm kháng sinh nên việc thu mua nguyên liệu phục vụ cho Xuất khẩu gặp rất nhiều khó khăn.

- Dự báo của VASEP cũng cho thấy, Xuất khẩu thủy sản Việt Nam năm 2014 vẫn sẽ tiếp tục khó khăn do sẽ phải nhập khẩu nguyên liệu để phục vụ cho sản xuất nhiều hơn.

- Giá điện, xăng dầu tăng liên tục trong thời gian gần đây kéo theo giá cả nguyên liệu đầu vào đều tăng, gây ảnh hưởng rất lớn đến giá thành sản xuất.

- Sản phẩm trên thị trường nội địa gặp sự cạnh tranh gay gắt trong khi sức mua của nền kinh tế suy giảm, Các tập đoàn bán lẻ lớn liên tục tăng chiết khấu, xây dựng các nhãn hàng riêng, hạn chế tiêu thụ các mặt hàng cùng loại của Công ty.

- Do tình hình suy thoái kinh tế trong và ngoài nước vẫn còn kéo dài làm ảnh hưởng đến tình hình Sản xuất kinh doanh của các Doanh nghiệp trong nước nên ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất gia công của Công ty.

## **II. NHIỆM VỤ MỤC TIÊU:**

- Tăng cường tìm kiếm khách hàng, thị trường mới và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trên mọi lãnh vực từ nuôi trồng sản xuất chế biến, kinh doanh hàng nội địa, kinh doanh xuất khẩu.

- Thường xuyên kiểm tra, quản lý chặt chẽ quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn HACCP và Code EU, luôn đổi mới và nâng cao chất lượng sản phẩm, nghiên cứu phát triển hàng nội địa và thương hiệu APT.

- Tích cực nâng cao năng suất lao động, thực hành tiết kiệm chi phí trong sản xuất và lưu thông, bảo đảm an sinh xã hội, bảo đảm việc làm và thường xuyên cải thiện thu nhập và đời sống tinh thần cho người lao động.

- Giải quyết vấn đề tồn tại tài chính, bao gồm xử lý nợ với ngân hàng Phương Nam theo chỉ đạo của UBND TP.HCM và thu hồi công nợ khó đòi còn tồn đọng.

- Đẩy mạnh thực hiện công tác tái cấu trúc theo thông báo kết luận chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ngày 12/11/2013 chấp thuận chủ trương bán chỉ định cho Công ty theo giá thị trường 15 mặt bằng và Công ty phải xây dựng Phương án khai thác phù hợp với quy hoạch của TP và chức năng kinh doanh của Công ty.

- Thực hiện quyết toán giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước.

### **III. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2014:**

- Doanh thu: 195 tỷ đồng
- Kim ngạch XK: 4.000.000 USD
- Lợi nhuận: 5 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân: 4,5 triệu đồng/người/tháng.

*(Chỉ tiêu lợi nhuận trên là thuần túy từ kết quả hoạt động kinh doanh, không tính phần phát sinh lỗ của những năm trước đây, lãi phải trả cho Ngân hàng Phương Nam và các khoản trích lập dự phòng và hoàn nhập(nếu có)).*

### **IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM:**

#### 1. Hoạt động sản xuất chế biến:

- Xây dựng hoàn thiện các định mức sản xuất, định mức năng suất lao động phù hợp với thực tế làm cơ sở cho việc quản lý chi phí trong sản xuất kinh doanh cho Xưởng Thăng Lợi, Xưởng Chế biến Thực phẩm Thủy hải sản APT, Xưởng Nước mắm.

- Tăng cường công tác quản lý chặt chẽ quy trình sản xuất, bảo đảm cơ sở vật chất luôn đạt yêu cầu về VSATTP, duy trì code xuất khẩu và công tác quản lý chất lượng là một trong những tiêu chí hàng đầu trong hoạt động sản xuất.

- Sớm hoàn thành đưa vào sử dụng khu vực mở rộng tại phân xưởng chế biến thực phẩm thủy sản với quy mô 500m<sup>2</sup> và một tủ cấp đông, một tủ đông gió và một tủ tiền đông.

- Toàn bộ hoạt động sản xuất phấn đấu đạt trên 90% công suất nhà máy, trong đó Xưởng Đông lạnh Thăng Lợi đạt 6.500 tấn, xưởng Chế biến thực phẩm APT đạt 1.200 tấn.

#### 2. Hoạt động kinh doanh xuất khẩu:

- Tập trung duy trì và phát triển các thị trường đang có, tiếp tục tìm kiếm thêm khách hàng mới. Nối lại mối quan hệ với các khách hàng đã từng hợp tác kinh doanh với Công ty nhằm khôi phục lại thị trường xuất khẩu vào thị trường Nhật và Hàn Quốc trong đó thị trường Hàn quốc với 2 khách hàng Goeun, Asung thực hiện 1.200.000 USD; Thị trường Hà Lan với 2 khách hàng Dayseaday, Mooijer thực hiện 1.600.000 USD; thị trường Anh, Úc, Đan Mạch thực hiện 600.000 USD, thị trường Hồng Kông, Đài Loan thực hiện 200.000USD, và một số khách hàng khác ước thực hiện 400.000 USD.

- Thực hiện các hoạt động tiếp thị, quảng cáo thông qua việc tham gia các hội chợ triển lãm quốc tế và trong nước, quảng cáo trên các tạp chí chuyên ngành, trên mạng nhằm phát triển thị trường xuất khẩu đối với ngành hàng thủy hải sản chế biến hướng trọng tâm vào xây dựng phát triển thương hiệu công ty.

- Đẩy mạnh và nâng cao chiến lược phát triển thương mại điện tử, làm cầu nối giao dịch giữa công ty với các khách hàng trong và ngoài nước nhanh chóng và thuận lợi nhất.

- Nghiên cứu sản xuất và chào mặt hàng thủy sản chế biến và tinh chế có nguồn nguyên liệu dồi dào vào thị trường xuất khẩu EU, Nhật, Hàn Quốc,... đây là nhóm mặt hàng giá trị gia tăng có hiệu quả cao và xây dựng thành sản phẩm đặc trưng có tác dụng dẫn đường cho việc mở rộng và phát triển thị trường.

- Nghiên cứu mở rộng thị trường xuất khẩu vào thị trường Lào, Campuchia, Myanmar theo chương trình xúc tiến thương mại trọng tâm của UBND Thành phố.

- Nghiên cứu mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản sang Australia.

### 3. Hoạt động kinh doanh nội địa:

- Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến chất lượng hàng hóa và bao bì sản phẩm, cải tiến việc phương pháp phân phối và giao hàng, bảo đảm việc cung cấp kịp thời hàng hóa cho khách hàng.

- Đẩy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm đến với người tiêu dùng thông qua các phương tiện truyền thông. Qua đó, xác định dòng sản phẩm chính (*như: Nước mắm cao đậm; cá hộp; Các mặt hàng tinh chế; Các mặt hàng khô và sơ chế,...*), nhằm nâng cao sự nhận diện của thương hiệu APT và tăng sức cạnh tranh trên thị trường nội địa.

- Có kế hoạch cung ứng đầy đủ hàng hóa cho hệ thống Big C/ Metro/ Lotte/ Co.op/ Satra mart/ Cầu Tre/ Vissan/ Shop&go,... tiếp tục phát triển thêm mạng lưới bán hàng ở kênh chợ truyền thống, khôi phục nghiệp vụ cung ứng thực phẩm cho bếp ăn tập thể,...

- Kế hoạch mở rộng mạng lưới kinh doanh nội địa sẽ tăng thêm trong năm 2014 như sau:

STT	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014	Số lượng dự kiến tăng
	<b>I. KÊNH HIỆN ĐẠI</b>	<b>164</b>	<b>286</b>	<b>122</b>
1	Hệ thống Coop - Coop food	41	122	81
2	Hệ thống Big C	23	26	3
3	Hệ thống Metro	19	19	0
4	Hệ thống Satra	22	46	24
5	Hệ thống Vissan	48	57	9
6	Hệ thống Siêu thị nhỏ lẻ	11	16	5
	<b>II. KÊNH TRUYỀN THỐNG</b>	<b>75</b>	<b>650</b>	<b>575</b>
1	Quán ăn, chợ	75	500	425
2	Cửa hàng FastFood		150	150
	<b>III. ĐẠI LÝ</b>		<b>30</b>	<b>30</b>

#### 4. Hoạt động nuôi trồng:

- Áp dụng phương pháp nuôi thủy sản đảm bảo các yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm, giảm thiểu dịch bệnh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường sinh thái, đảm bảo trách nhiệm xã hội và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm hướng đến tiêu chuẩn VietGAP trong nuôi trồng thủy sản.

- Liên hệ với các Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp & phát triển nông thôn để tìm kiếm giống cá tốt và sạch phục vụ nuôi trồng, cung ứng sản phẩm cho xuất khẩu.

- Tiếp tục duy trì công tác nuôi trồng, đồng thời mở rộng công tác nuôi trồng tại Trại cá Củ Chi, tại Tiền Giang. Dự kiến trong năm 2014 sản lượng nuôi trồng tại Trại cá Củ Chi là cá trê, cá lóc, cá rô đạt 180 tấn và trạm Tiền Giang là 410 tấn cá điêu hồng để cung ứng cho xuất khẩu và kinh doanh nội địa và hoạt động nuôi phải đạt các định mức như sau:

\* Định mức FCR (hệ số chuyển đổi thức ăn) bình quân của cá Điêu hồng là 2,16; cá Trê là 3,5 (thực phẩm là phế phẩm thủy hải sản); cá Lóc là 1,5; cá Rô là 1,5.

\* Tỷ lệ cá chết bình quân các loại nhỏ hơn hay bằng 35%.

\* Định mức thuốc sử dụng cho cá là 500-600đ/1 kg cá thành phẩm.

#### 5. Hoạt động quản lý chất lượng:

- Tăng cường giám sát điều kiện sản xuất tại các đơn vị sản xuất để duy trì hệ thống quản lý chất lượng đã được chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc tế: HACCP, Code EU và tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Phòng Kỹ Thuật thường xuyên phối hợp với các xưởng chế biến kiểm tra chặt chẽ an toàn vệ sinh thực phẩm (*các chỉ tiêu lý hóa*) từ nguyên liệu đầu vào đến khâu sản xuất chế biến và khâu thành phẩm, đảm bảo chất lượng sản phẩm được ổn định nhất là các mặt hàng của Công ty.

- Tiến hành rà soát lại qui trình chế biến, cải tiến công đoạn để tăng năng suất lao động, tìm các biện pháp tiết giảm định mức (*điện, nước, nguyên vật liệu, ...*) để tiết kiệm chi phí, giảm giá thành, tăng sức cạnh tranh.

- Tiếp tục nghiên cứu các sản phẩm mới theo thị hiếu khác nhau của người tiêu dùng, theo từng thị trường, phục vụ bếp ăn công nghiệp, trường học, nhà trẻ, bán hàng lưu động,...

- Cải tiến qui trình chế biến sản phẩm, thay đổi bổ sung phụ gia hóa chất cho phép để nâng cao chất lượng, giảm giá thành sản phẩm, đáp ứng yêu cầu khách hàng.

- Tăng cường kiểm tra vệ sinh môi trường trong toàn Công ty.

- Thực hiện công bố tiêu chuẩn chất lượng cho sản phẩm mới.

#### 6. Hoat động đầu tư:

- Trong năm 2014, bên cạnh việc duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị cũ đã xuống cấp, Công ty sẽ đầu tư cải tạo nhà xưởng Thắng lợi, mua sắm thêm một số máy móc cần thiết nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sản lượng, hạ giá thành sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong và ngoài nước, tạo uy tín thu hút khách hàng. Ngoài ra, Công ty sẽ cải tạo nâng cấp một số cơ sở hạ tầng, gồm: cải tạo mở rộng nhà xưởng chế biến APT và di dời hệ thống tủ đông tiếp xúc từ 157 Hưng Phú về, với tổng nguồn vốn dự kiến thực hiện năm 2014 là 6 tỷ đồng.

#### 7. Công tác tái cấu trúc:

Tiếp tục thực hiện các bước thủ tục tiếp theo để hoàn thiện hồ sơ xin mua chỉ định các mặt bằng được UBND TP chấp thuận cho mua để thực hiện tái cấu trúc.

#### 8. Hoat động quản lý tài chính:

Thực hiện kiểm soát, quản lý chặt chẽ công nợ của từng khách hàng, cân đối và sử dụng mọi nguồn vốn hiện có cho sản xuất kinh doanh một cách hợp lý và hiệu quả theo

hướng chủ động tài chính, bảo toàn và phát triển vốn. Quản lý chặt chẽ chi tiêu, thi hành triệt để việc tiết kiệm trong chi phí sản xuất và kinh doanh.

#### 9. Hoạt động khởi kiện, thu hồi nợ:

Tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi nợ của các khách hàng như C&T, theo dõi, tìm kiếm tài sản của các cá nhân, Công ty phải thi hành án. Tiếp tục khởi kiện các công nợ tồn đọng, theo dõi, thúc đẩy Tòa Án, Cơ quan thi hành án giải quyết các vụ việc tồn đọng, phần đầu năm 2014 phải hoàn thành xong 05 vụ xét xử sơ thẩm hoặc phúc thẩm.

### **V- Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty**

#### *1.Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.*

Bên cạnh những tồn tại chưa tháo gỡ về tài chính, đứng trước tình hình kinh tế thế giới và trong nước xảy ra nhiều biến động tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty. Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành Công ty nỗ lực với tinh thần trách nhiệm cao nhất đã duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao hàng năm. Trên cơ sở từng bước sắp xếp lại bộ máy tổ chức, nâng cao vai trò tham mưu của các phòng chức năng, tinh gọn nhân sự hợp lý ở tất cả các khâu, khắc phục tình trạng thua lỗ trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đến nay hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đi vào ổn định, uy tín, thương hiệu APT từng bước được khôi phục, công ăn việc làm và đời sống người lao động được nâng lên tạo sự yên tâm công tác và gắn bó lâu dài.

#### *2.Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Điều hành.*

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng các chủ trương, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty đề ra, có nhiều cố gắng điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty hoàn thành được chỉ tiêu kế hoạch năm 2013 được Đại hội đồng cổ đông thông qua

#### *3.Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị:*

##### *3.1. Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh Thủy hải sản:*

- Phân đầu tăng tỉ lệ sản xuất phục vụ xuất khẩu lên 30- 40% công suất nhà máy.
- Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh, tích cực phát triển các mặt hàng có tiềm năng thành những mặt hàng xuất khẩu mới, theo hướng nâng cao hiệu



quả xuất khẩu. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có giá trị gia tăng cao.

- Khách hàng & thị trường: Không ngừng tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường xuất khẩu ở các nước khu vực: EU, Trung Đông, Châu Á, Asean ... Phấn đấu mỗi thị trường có ít nhất từ 1- 2 khách hàng mới.

- Mặt hàng chính: Cá biển, cá nước ngọt cấp đông và chế biến khô. Một số mặt hàng tinh chế cấp đông, và nước mắm, hàng nông sản.

### *3.2. Kinh doanh Nội địa:*

- Hướng đến mục tiêu APT trở thành nhà cung ứng thực phẩm “*An toàn – Chất lượng và Chuyên nghiệp*”. Xây dựng thương hiệu APT, nâng cao hiệu quả nhận diện thương hiệu, sản phẩm APT.

### *3.3. Chiến lược phát triển kinh doanh thương mại – dịch vụ*

Ngoài việc tập trung phát triển sản xuất kinh doanh thủy hải sản, trong chiến lược phát triển từ 2012 đến năm 2016, Công ty tập trung phát triển mạnh lĩnh vực thương mại dịch vụ như dịch vụ cho thuê kho, cho thuê văn phòng, dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác, kinh doanh ăn uống, nhà hàng, ...

### *3.4. Thực hiện chương trình đầu tư phục vụ sản xuất chế biến thủy hải sản:*

- Thực hiện các dự án đầu tư nâng cấp sửa chữa, mở rộng SXKD một cách có hiệu quả, duy trì điều kiện sản xuất luôn đạt tiêu chuẩn An toàn vệ sinh thực phẩm, Code xuất khẩu.

### *3.5. Chương trình đầu tư và kinh doanh tại các mặt bằng Công ty xin mua chỉ định:*

- Để thực hiện chương trình đầu tư xây dựng các dự án tại các mặt bằng xin mua chỉ định, Công ty sẽ làm đầy đủ các thủ tục để được mua quyền sử dụng đất trong năm 2012 và 2013 sau khi phương án tái cấu trúc, phát hành tăng vốn Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt cho phát hành.

### *3.6. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực:*

Công ty thực hiện chiến lược phát triển nguồn nhân lực theo hướng:

- Tiếp tục xây dựng hệ thống và bộ máy quản lý hiệu quả, theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, chất lượng và năng động.
- Tăng cường các biện pháp tuyển dụng, thu hút nguồn nhân lực có năng lực từ bên ngoài. Đẩy mạnh công tác đào tạo tại chỗ nguồn nhân lực có tay nghề.
- Có chính sách đãi ngộ nguồn nhân lực, thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.
- Xây dựng đội ngũ bán hàng có năng lực và chuyên nghiệp để có thể nắm bắt kịp thời thông tin thị trường cũng như triển khai tốt các chương trình bán hàng nhằm xây dựng và phát triển thương hiệu APT ngày càng lớn mạnh.

#### **4- QUẢN TRỊ CÔNG TY:**

##### **-Hội đồng quản trị:**

##### 4.1-Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Sau Đại hội Cổ đông thường niên 2012, các thành viên HĐQT nhiệm kỳ II (2012-2016) được bầu đến nay theo danh sách như sau:

1. Ông Trần Phát Minh - Chủ tịch HĐQT.
  - Thành viên không điều hành.
  - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 3.207.602 Cổ phần chiếm tỷ lệ 36,45%.
2. Ông Trương Tiến Dũng - Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc.
  - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 1.760.198 Cổ phần (đại diện vốn Nhà nước) chiếm tỷ lệ 20%.
3. Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy -Thành viên HĐQT
  - Thành viên không điều hành.
  - Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%.

##### 4.2-Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

1. Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ II (2012-2016) được Đại hội Cổ đông thường niên năm 2012 bầu ra ngày 17/03/2012 gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên không trực tiếp điều hành. Việc thông tin, trao đổi tình hình giữa các thành viên trong năm vừa qua luôn kịp thời, minh bạch rõ ràng, phục vụ tốt cho việc hoạch định chủ trương, chính sách cũng như tạo sự đoàn kết, gắn bó trong Hội đồng Quản trị.

2. Trong năm 2013, Hội đồng quản trị Công ty đã họp thường lệ 07 phiên để quyết định những vấn đề quan trọng, cấp bách liên quan đến công tác quản trị, điều hành của Công ty như:

- Tăng số lượng thành viên Ban Tổng giám đốc và bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc mới;
- Thông qua Qui chế tài chính của Cty;
- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông năm 2012 cho Hội đồng quản trị trong suốt nhiệm kỳ II;
- Xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2014 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.
- Phê duyệt thanh lý quyết toán hợp đồng thi công số 163/HĐKT-THS ngày 04/12/2002 (*gói thầu xây lắp*) thuộc dự án: “Xây dựng Nhà máy chế biến Thủy hải sản tại khu Công nghiệp Tân Tạo để di dời một số xí nghiệp trong nội thành”.
- Chỉ đạo và cho chủ trương xử lý các khoản nợ cũ tồn đọng, xử lý hai Hợp đồng Tín dụng với Ngân hàng Phương Nam.
- Và một số công việc khác, ...

3. Hội đồng quản trị cũng đã thực hiện xong việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh của Công ty về bán buôn, chế biến thịt, rau quả tươi,... (*các ngành nghề có mã ngành 4632,4722,1010,1030*) và sửa đổi điều 3, điều lệ Công ty, bổ sung thêm các ngành nghề đã nêu sau khi tiến hành lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản với tỷ lệ cổ đông chấp thuận đạt 99,98% theo đúng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ-2013.

#### 4. Về Công tác tái cấu trúc Công ty:

- Căn cứ theo tinh thần chỉ đạo của Thông báo số 477/TB-VP ngày 12/07/2011 của Ủy ban Nhân dân TP.Hồ Chí Minh, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Điều hành Công ty APT khẩn trương lập phương án khai thác sử dụng các mặt bằng hiện hữu, tiến hành các thủ tục theo qui định pháp luật để lập hồ sơ trình các Cơ quan, Ban ngành chức năng và Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để xem xét, quyết định bán chỉ định theo giá thị trường 15 mặt bằng cho Công ty APT.

- Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012 và năm 2013 Cổ đông đã biểu quyết thông qua Phương án tái cấu trúc Công ty, Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 88 tỷ đồng lên 388 tỷ đồng theo hình thức bán cổ phần riêng lẻ.

- Do Công ty phải chờ chủ trương chính thức của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc chấp thuận bán chỉ định theo giá thị trường 15 mặt bằng nên trong năm 2013 Công ty chưa thực hiện được việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

- Mặc dù được sự hỗ trợ của các Sở, Ban ngành cùng với sự nỗ lực của Ban Điều hành Công ty nhằm để sớm được giao các mặt bằng. Tuy nhiên để thực hiện việc mua chỉ định Công ty còn phải hoàn tất việc tăng vốn điều lệ và hoàn thành các thủ tục thẩm định giá,... với các Sở, ban ngành có liên quan.

#### 5. Về Công tác xử lý kỷ luật:

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo ban điều hành xử lý kỷ luật lao động 11 cán bộ vi phạm theo kết luận Thanh tra Thành phố. Đảng ủy Công ty cũng đã tiến hành xử lý kỷ luật Đảng các cán bộ sai phạm này

#### 6. Về Chỉ đạo Công tác kinh doanh Công ty:

- Hội đồng Quản trị đã theo sát tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và diễn biến thị trường để chỉ đạo kịp thời Ban Điều hành quyết tâm hoàn thành kế hoạch được đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 giao cho.

#### **Ban Kiểm soát**

2.1-Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

1. Bà Đỗ Ngọc Nga - Trưởng Ban Kiểm soát.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%

2. Ông Nguyễn Tri Hiếu - Thành viên Ban Kiểm soát.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 10% (Đại diện vốn nhà nước).

3. Ông Phan Minh Thắng – Thành viên Ban Kiểm soát.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%.

2.2-Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Trong năm 2013 Ban kiểm soát đã duy trì nhiệm vụ kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, tài liệu, chứng từ và tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban Điều Hành Công ty, bao gồm:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức, quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản,...

- Giám sát việc thực thi và công bố thông tin theo quy định của Pháp luật, kiểm soát báo cáo tài chính của Công ty theo Quý, báo cáo tài chính hợp nhất của công ty năm 2013, xem xét tính minh bạch của quá trình luân chuyển chứng từ, phối hợp với các Phòng, Ban chức năng liên quan để làm rõ nội dung trong Báo cáo Tài chính.

- Tham dự và tham gia đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT, kiểm tra và giám sát việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của HĐQT và Ban Điều hành Công ty.

- Kiểm soát việc xây dựng và thực hiện các Quy chế, Quy định của Công ty. Việc ban hành các qui chế, qui định nội bộ được thực hiện chặt chẽ, căn trọng trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với qui định của pháp luật. Trong năm 2013, Ban Kiểm soát đã tham gia xây dựng chỉnh sửa quy chế quản lý tài chính của Công ty.

- Ban Kiểm soát đã hoạt động khách quan, trung thực, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, chế độ chính sách của Nhà nước, Điều lệ của Công ty và các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Trong năm 2013, HĐQT đã thể hiện rõ chức năng, nhiệm vụ trong công tác định hướng, chỉ đạo, quản lý công ty.

- HĐQT đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm nhằm mục tiêu phát triển Công ty ngày một lớn mạnh, điều đó thể hiện tại các cuộc họp HĐQT để thống nhất về chiến lược, định hướng phát triển, kế hoạch SXKD của năm.

- Các quyết định của HĐQT trong năm 2013 phù hợp với lợi ích của Công ty và các cổ đông. Các quyết định triển khai nghị quyết đại hội cổ đông của HĐQT được ban hành và kiểm tra kịp thời.

- Trong năm 2013, Ban kiểm soát đã có được sự phối hợp và cộng tác tốt từ Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty trong việc cung cấp các báo cáo, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát.

- Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty trong công tác kiểm tra, giám sát Công ty là phù hợp với quy chế công ty, đảm bảo quyền và lợi ích của các cổ đông.

3-Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát: Không có

- a) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có
- b) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có
- c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:
  - Công ty đã ban hành Quy chế quản trị Công ty.

#### **4-Báo cáo tài chính:**

##### **4.1- Ý kiến kiểm toán:**

Như đã mô tả trong thuyết minh 1 về đặc điểm hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty : đến thời điểm 31/12/2013 Công ty đang lỗ lũy kế là 355.122.081.600VND làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 265.290.259.299VND, và tại thời điểm này, các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 321.039.919.764VND; Các vấn đề này ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty nhưng Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn lập báo cáo dựa trên giả định về hoạt động liên tục.

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán các khoản nợ khó đòi chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ bao gồm:

- Tổng số dư nợ phải thu chưa có xác nhận là 111.976.601.475 VND, trong đó bao gồm:

+ Nợ phải thu khách hàng là 71.558.638.277 VND;

+ Nợ trả trước cho người bán là 5.650.000 VND;

+ Nợ phải thu khác là 34.767.963.198 VND.

và toàn bộ số công nợ này đã được trích lập dự phòng 100%.

- Trong số dư các khoản công nợ phải trả khác tại thời điểm 31/12/2013 có khoản công nợ phát sinh ở giai đoạn Công ty Nhà nước trước cổ phần hóa là 4.081.530.425 VND đang chờ quyết toán nên không có đối chiếu.

Với các thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính.

#### **4.2-Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 32 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính trong đó mô tả về nợ tiềm tàng: Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty còn nợ vay Ngân hàng TMCP Phương Nam - Chi nhánh Chợ Lớn 5.833 lượng vàng SJC với giá trị ghi sổ kế toán là 103.010.780.000 VND. Do quy định của kế toán hiện hành chưa hướng dẫn về đánh giá lại cuối năm đối với khoản vay bằng vàng nên Công ty chưa phản ánh giá trị đánh giá lại khoản vay bằng vàng nêu trên vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Tuy nhiên nếu tính số lượng vàng còn nợ theo giá vàng được Bên cho vay niêm yết tại ngày 31/12/2013 thì số tiền chênh lệch tăng so với giá trị nợ vay ghi sổ kế toán là 99.977.620.000 VND (*xem thêm tại Thuyết minh số 14 và số 32 của Báo cáo tài chính đính kèm*). Ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên nêu trên của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

#### **4.3-Báo cáo tài chính được kiểm toán:**

-



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH  
THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 201  
(đã được kiểm toán)

[aasc.com.vn](http://aasc.com.vn)

AASC AUDITING FIRM

A member of  International



## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 29
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 29

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tiền thân là Công ty Kinh doanh Thủy hải sản trực thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Kinh doanh Thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 26 tháng 05 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005759 đăng ký lần đầu ngày 20/12/2006 và thay đổi lần thứ sáu ngày 07/09/2012 (thay đổi đăng ký kinh doanh sang số 0300523755) do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Phát Minh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Lâm Vĩnh Huy	Ủy viên
Ông Trương Tiến Dũng	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trương Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Đào Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Minh Vương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyệt Ánh	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Ngọc Nga	Trưởng ban
Ông Phạm Minh Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Trí Hiếu	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn  
Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

TM. Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



Trương Tiến Dũng



Số: 60 /2014/BC.KTTC-AASC.HCM

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn được lập ngày 28 tháng 02 năm 2014, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã mô tả trong Thuyết minh 1 về đặc điểm hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty: đến thời điểm 31/12/2013 Công ty đang lỗ lũy kế là 355.122.081.600 VND làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 265.290.259.299 VND, và tại thời điểm này, các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 321.039.919.764 VND; Các vấn đề này ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty nhưng Ban Giám đốc Công ty vẫn lập báo cáo dựa trên giả định về hoạt động liên tục.

Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán các khoản nợ khó đòi chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ bao gồm: Nợ phải thu khách hàng là 71.558.638.277 VND; công nợ trả trước cho người bán là 5.650.000.000 VND và nợ phải thu khác là 34.767.963.198 VND. Toàn bộ số công nợ này đã được trích lập dự phòng 100%.

Trong số dư các khoản công nợ phải trả khác tại thời điểm 31/12/2013 có khoản công nợ phát sinh ở giai đoạn Công ty Nhà nước trước cổ phần hóa là 4.081.530.425 VND đang chờ quyết toán nên không có đối chiếu. Với các thủ tục đã thực hiện, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính.

T: (84) 4 3824 1990 | F: (84) 4 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of IIA International

aasc.com.vn

HÀNG KIỂM TOÁN AASC

4

**Ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy Hải Sản Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 32 trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính trong đó mô tả về nợ tiềm tàng: Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty còn nợ vay Ngân hàng TMCP Phương Nam - Chi nhánh Chợ Lớn 5.833 lượng vàng SJC với giá trị ghi sổ kế toán là 103.010.780.000 VND. Do quy định của kế toán hiện hành chưa hướng dẫn về đánh giá lại cuối năm đối với khoản vay bằng vàng nên Công ty chưa phản ánh giá trị đánh giá lại khoản vay bằng vàng nêu trên vào báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Tuy nhiên nếu tính số lượng vàng còn nợ theo giá vàng được Bên cho vay niêm yết tại ngày 31/12/2013 thì số tiền chênh lệch tăng so với giá trị nợ vay ghi sổ kế toán là 99.977.620.000 VND (xem thêm tại Thuyết minh số 14 và số 32 của Báo cáo tài chính đính kèm). Ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên nêu trên của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Giám đốc



Bùi Văn Thảo

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0522-2013-002-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thái

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1623-2013-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		87.932.011.164	76.237.975.682
110	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	38.028.371.845	22.378.594.886
111	1. Tiền		2.028.371.845	2.378.594.886
112	2. Các khoản tương đương tiền		36.000.000.000	20.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		21.286.809.667	24.839.120.074
131	1. Phải thu của khách hàng	4	84.845.217.396	84.145.791.184
132	2. Trả trước cho người bán	5	13.010.188.065	7.039.978.679
135	5. Các khoản phải thu khác	6	35.295.356.138	35.916.034.359
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	7	(111.863.951.532)	(102.262.684.148)
140	IV. Hàng tồn kho	8	27.578.104.194	28.280.818.101
141	1. Hàng tồn kho		27.829.935.553	29.991.295.848
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(251.831.359)	(1.710.477.747)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.038.725.458	739.442.621
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		350.849.816	19.034.094
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9	115.609.049	96.711.616
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	10	572.266.593	623.696.911
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		57.041.902.318	61.593.062.579
220	II. Tài sản cố định		40.203.510.961	44.698.027.092
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	39.994.658.732	44.367.321.535
222	- Nguyên giá		93.031.502.580	91.981.947.968
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(53.036.843.848)	(47.614.626.433)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	208.852.229	330.705.557
228	- Nguyên giá		365.560.000	365.560.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(156.707.771)	(34.854.443)
260	V. Tài sản dài hạn khác		16.838.391.357	16.895.035.487
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	16.785.391.357	16.895.035.487
268	3. Tài sản dài hạn khác		53.000.000	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>144.973.913.482</b>	<b>137.831.038.261</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013  
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>410.264.172.781</b>	<b>385.488.954.525</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>408.971.930.928</b>	<b>384.070.339.672</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	206.010.780.000	206.010.780.000
312	2. Phải trả người bán		14.104.862.126	3.026.410.222
313	3. Người mua trả tiền trước		4.491.139.202	4.394.920.461
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	99.872.491	222.159.609
315	5. Phải trả người lao động		6.991.668.111	2.241.114.411
316	6. Chi phí phải trả	16	1.102.358.382	1.299.093.211
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	176.154.505.572	166.859.116.714
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		16.745.044	16.745.044
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>1.292.241.853</b>	<b>1.418.614.853</b>
333	3. Phải trả dài hạn khác		1.292.241.853	1.418.614.853
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>(265.290.259.299)</b>	<b>(247.657.916.264)</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>(265.290.259.299)</b>	<b>(247.657.916.264)</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		88.000.000.000	88.000.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.621.017.335	1.621.017.335
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		210.804.966	210.804.966
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(355.122.081.600)	(337.489.738.565)
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>144.973.913.482</b>	<b>137.831.038.261</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		1.909,03	61.126,28

Người lập biểu

Đoàn Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Phạm Nguyệt Ánh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Trưởng Giám đốc



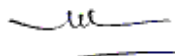
Trương Tiến Dũng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2013

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	182.197.684.950	149.117.321.905
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	1.876.137.597	2.073.746.844
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	180.321.547.353	147.043.575.061
11	4. Giá vốn hàng bán	23	137.904.837.346	113.914.265.247
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		42.416.710.007	33.129.309.814
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	2.673.293.538	2.681.222.863
22	7. Chi phí tài chính	25	12.582.336.107	47.873.270.372
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		12.575.944.953	47.802.011.973
24	8. Chi phí bán hàng	26	22.616.942.156	19.949.692.302
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	26.584.331.605	13.239.303.399
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(16.693.606.323)	(45.251.733.396)
31	11. Thu nhập khác	28	480.510.423	1.022.689.565
32	12. Chi phí khác	29	1.419.247.134	48.989.175
40	13. Lợi nhuận khác		(938.736.711)	973.700.390
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(17.632.343.034)	(44.278.033.006)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(17.632.343.034)	(44.278.033.006)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	(2.004)	(5.032)

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Đoàn Thị Thu Hà

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc



  
 Trương Tiến Dũng



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

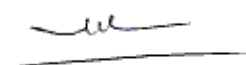
Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		209.893.618.459	162.587.832.359
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(160.693.834.790)	(125.163.763.674)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(28.115.539.300)	(29.274.974.644)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(30.000.000)	(150.606.913)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	(44.479.136)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.056.768.084	7.033.305.965
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.764.752.391)	(15.031.113.406)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>17.346.260.062</i>	<i>(43.799.449)</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.428.167.504)	(3.155.121.314)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		260.909.090	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.434.292.316	1.881.593.043
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(1.732.966.098)</i>	<i>(1.273.528.271)</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(4.000.000.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>-</i>	<i>(4.000.000.000)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>15.613.293.964</i>	<i>(5.317.327.720)</i>
60	Tiền và tương đương (tiền đầu năm)		22.378.594.886	27.709.424.937
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		36.482.995	(13.502.331)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>38.028.371.845</u>	<u>22.378.594.886</u>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







  
 Trương Tiến Dũng

Đoàn Thị Thu Hà

Phạm Nguyệt Ánh

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2013

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn tiền thân là Công ty Kinh doanh Thủy hải sản trực thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Kinh doanh Thủy hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 26 tháng 05 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 4-6-8 Đường số 1A, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 88.000.000.000 đồng; tương đương 8.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Xi nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
- Xi nghiệp Chế biến Thực phẩm Thủy sản Chợ Lớn	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
- Xi nghiệp Chế biến Thực phẩm Thủy sản Bình Thới	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
- Xi nghiệp thu mua cung ứng Nông hải sản xuất khẩu	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
- Xi nghiệp Kinh doanh nuôi trồng Thủy sản	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
- Trung tâm Kinh doanh và Dịch vụ APT	Lô 4-6-8 đường 1A, KCN Tân Tạo, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
- Xưởng chế biến Hải sản	153 Lương Thế Vinh, Phường Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Tp. HCM

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản; mua bán gas NH3; mua bán bao bì, panel nhựa xốp; mua bán thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu ngư lưới cụ;
- Ăn uống. Kinh doanh ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến. Dịch vụ ăn uống;
- Mua bán xe máy, phương tiện vận tải chuyên dụng;
- Mua bán rượu;
- Sân Tennis, ca nô lướt ván, chèo thuyền, câu cá giải trí;
- Cho thuê kho, bãi. Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu;
- Sửa chữa cơ điện lạnh;
- Mua bán thủy hải sản; mua bán thực phẩm; công nghệ phẩm; nông sản;
- Chế biến thủy hải sản; chế biến nước mắm, nước chấm;
- Sản xuất thức ăn gia súc;

*Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)*

- Mua bán thức ăn gia súc; mua bán thực phẩm; nông sản;
- Sản xuất nước đá; sản xuất gaz NH<sub>3</sub>;
- Gia công hàng may mặc;
- Gia công các sản phẩm bằng kim loại; gia công lắp ráp các nhà kho chứa, kho lạnh, khung nhà tiền chế;
- Sản xuất các loại cầu kiện từ panel nhựa xốp; các loại vách ngăn cách nhiệt, các tấm trần bằng cầu kiện panel và tole tráng nhựa, các loại bao bì, các loại hộp thực phẩm và thức ăn nhựa bằng nhựa xốp;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt các loại;
- Mua bán cầu kiện, thiết bị lạnh; kim khí, điện máy, vật tư phục vụ sản xuất; mua bán thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu ngư lưới cụ;
- Mua bán thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu ngư lưới cụ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (chỉ tiết: nhà nghỉ); massage, xông hơi;
- Mua bán thủy hải sản; xe máy, phương tiện vận tải chuyên dùng, thực phẩm, công nghệ phẩm, nông sản, vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản; gas NH<sub>3</sub>; bao bì, panel nhựa xốp; thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu ngư lưới cụ, rượu, kim khí, điện máy, cầu kiện, thiết bị lạnh, vật tư phục vụ sản xuất;
- Mua bán kim khí, điện máy;
- Buôn bán gạo: mua bán thực phẩm; nông sản ;
- Kinh doanh Bất động sản.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Đến thời điểm 31/12/2013 Công ty đang lỗ lũy kế là 355.122.081.600 VND làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 265.290.259.299 VND và tại thời điểm này, các khoản nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 321.039.919.764 VND. Các yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đang lên kế hoạch tái cơ cấu lại vốn vay, chuyển khoản nợ thành vốn góp và phát hành thêm cổ phiếu cùng với sự hỗ trợ của các chủ sở hữu để giúp cho công ty tiếp tục hoạt động và do vậy Ban Giám đốc vẫn lập báo cáo dựa trên giả định về hoạt động liên tục.

**2 .CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy tính.

### 2.3 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### 2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	08 - 12 năm
- Thiết bị văn phòng	02 - 06 năm
- Tài sản cố định khác	04 - 10 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Từ tháng 6/2013 Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 43/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm tài chính.
- Thay đổi thời gian trích khấu hao đối với một số loại tài sản sau: máy móc thiết bị tăng từ 03 - 05 năm lên 06 - 07 năm.

## 2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

## 2.9 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

## 2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### 2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

#### 2.13 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

#### 2.14 . Ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.15 . Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.16 . Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	96.526.000	25.165.000
Tiền gửi ngân hàng	1.931.845.845	2.353.429.886
Các khoản tương đương tiền <sup>(1)</sup>	36.000.000.000	20.000.000.000
	<b>38.028.371.845</b>	<b>22.378.594.886</b>

(1) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Sacombank - Phòng giao dịch quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Hồ Chí Minh với lãi suất 7,00%/năm.

**4 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Công nợ khó đòi đã lập dự phòng</b>	<b>71.558.638.277</b>	<b>71.854.065.102</b>
Công ty Cổ phần Bảo Vinh (1)	50.793.016.862	50.793.016.862
H & S Seafood Trading Inc	1.481.596.441	1.481.596.441
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Chợ Lớn (**)	3.370.072.024	3.370.072.024
DNTN TM Thủy Sản Trung Nam (*)	1.891.453.600	1.891.453.600
Công ty TNHH Kinh doanh thủy sản Trung Dũng (*)	186.234.787	186.234.787
Công ty TNHH MT (*)	302.500.000	302.500.000
Công ty TNHH Sản xuất thương mại IMEE (**)	195.592.351	195.592.351
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Đồng Nam Á (*)	596.250.000	596.250.000
Công ty TNHH Thủy hải sản Quốc Mỹ (*)	106.304.555	106.304.555
Ông Phạm Quốc Việt	119.600.809	119.600.809
S.RUAMTHAI CO.,LTD	529.694.535	529.694.535
Ông Hồ Hữu Trí	7.659.225.191	7.659.225.191
Công ty Cổ phần Hùng Vương (Mỹ Tho) (*)	-	252.014.000
Ông Hồ Văn Vàng	2.591.340.517	2.591.340.517
Công ty TNHH Basa Mekong (*)	647.808.000	647.808.000
Ông Hồ Khánh Lư (**)	492.322.559	492.322.559
Ông Hồ Văn Đồng (*)	335.211.171	342.211.171
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Minh Cường	152.482.374	152.482.374
Ông Phạm Minh Dũng (*)	107.932.501	107.932.501
Cơ Sờ Ngô Tấn Long (*)	-	36.412.825
<b>Công nợ luân chuyển khác</b>	<b>13.286.579.119</b>	<b>12.291.726.082</b>
	<b>84.845.217.396</b>	<b>84.145.791.184</b>

(1) Khoản phải thu của Công ty Cổ phần Bảo Vinh (trước đây là Công ty TNHH Bảo Vinh) tính đến thời điểm 31/12/2013 là 50.793.016.862 VND. Đây là khoản nợ phải thu có rủi ro trong việc thu hồi đã được Trung tâm trọng tài Thương mại TP Hồ Chí Minh hòa giải theo Quyết định số 04/2008/QĐ-TT-HGT ngày 29/10/2008. Tuy nhiên Công ty đánh giá khoản nợ này khó có khả năng thu hồi nên đã quyết định trích lập dự phòng 100% trong năm 2008.

(\*) Đang thi hành án theo Quyết định của Tòa án.

(\*\*) Đã khởi kiện.



5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ông Trần Văn Minh (*)	2.900.000.000	2.900.000.000
Ông Bùi Văn Tùng (*)	2.300.000.000	2.300.000.000
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Việt Long (*)	450.000.000	450.000.000
CN Tổng C.ty Xây dựng - Công nghiệp VN tại Miền Nam	-	1.169.785.695
Cửa hàng Gia Định Quận Quận 1	4.975.743.024	-
Các đối tượng khác	2.384.445.041	220.192.984
	<b>13.010.188.065</b>	<b>7.039.978.679</b>

(\*) Các khoản công nợ khó đòi đã trích lập dự phòng 100%

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	84.150.622	30.998.469
Phải thu về lãi tiền gửi ngân hàng	247.693.056	330.082.418
Phải thu Ông Trương Văn Ruồng (*)	7.845.270.151	7.845.270.151
Phải thu Ông Võ Lương Phương Trọng (*)	7.485.233.856	7.545.233.856
Phải thu Ông Phan Trọng Hiệp (*)	6.752.377.240	6.752.377.240
Phải thu Ông Trần Văn Tạo (*)	791.291.788	811.291.788
Phải thu Ông Trần Văn Út (*)	2.549.673.775	2.549.673.775
Phải thu Ông Bùi Văn Tùng (*)	1.581.495.000	1.581.495.000
Phải thu Ông Trần Văn Minh (*)	1.622.666.667	1.622.666.667
Phải thu Công ty Thái Sơn (*)	653.763.334	653.763.334
Phải thu Công ty TNHH Toàn Sáng (*)	784.375.186	784.375.186
Phải thu Ông Bùi Minh Thành (*)	108.872.760	108.872.760
Phải thu Ông Nguyễn Lương Tri (*)	553.999.992	553.999.992
Phải thu Ông Nguyễn Minh Hoàng (*)	72.078.156	106.735.156
Phải thu Ông Nguyễn Thuận Hải (*)	633.526.073	633.526.073
Phải thu Ông Phạm Văn Tuấn (*)	133.615.303	173.615.303
Phải thu Ông Trần Văn Năm Nhã (*)	719.479.734	719.479.734
Phải thu Ông Trần Văn Tư (*)	655.338.198	655.338.198
Phải thu Ông Trần Văn Thi & Nguyễn Văn Du (*)	647.462.734	647.462.734
Phải thu Lê Thị Minh Hiếu (*)	208.756.990	208.756.990
Phải thu Công trình Nhà máy Chế biến Tân Tạo	-	521.022.906
Phải thu Ông Trần Hoàng Anh (*)	454.377.775	454.377.775
Phải thu Ông Vũ Tuấn Nguyễn (*)	276.729.033	234.067.451
Phải thu Nguyễn Hữu Hồ (*)	99.261.998	-
Phải thu Tô Văn Tài (*)	25.667.912	-
Phải thu Bảo hiểm xã hội của CBCNV	49.376.870	120.653.652
Phải thu Tổng Công ty TM Sài Gòn	112.649.543	-
Phải thu về tạm ứng án phí	135.442.084	-
Phải thu khác	10.730.308	270.897.751
	<b>35.295.356.138</b>	<b>35.916.034.359</b>

(\*) Các khoản công nợ khó đòi đã lập dự phòng

**7 . DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu khách hàng	71.558.638.277	71.854.065.102
Trả trước cho người bán	5.650.000.000	5.650.000.000
Phải thu khác	34.655.313.655	24.758.619.046
	<b>111.863.951.932</b>	<b>102.262.684.148</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.096.288.768	5.693.747.730
Công cụ, dụng cụ	1.496.000	67.040.846
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.316.783.749	4.273.530.976
Thành phẩm	15.308.885.715	19.717.898.572
Hàng hoá	106.481.321	239.077.724
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(251.831.359)	(1.710.477.747)
	<b>27.578.104.194</b>	<b>28.280.818.101</b>

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: toàn bộ HTK
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 1.458.646.388 VND

**9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	67.117.221	13.951.927
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	10.656.154	44.924.015
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	37.835.674	37.835.674
	<b>115.609.049</b>	<b>96.711.616</b>

**10 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	572.266.593	552.464.151
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	71.232.760
	<b>572.266.593</b>	<b>623.696.911</b>

11 - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>												
Số dư đầu năm	38.723.196.881	41.833.039.222	6.854.779.109	340.100.425	4.230.832.331	91.981.947.968						
Số tăng trong năm	2.590.746.336	1.106.321.168	780.861.473	-	-	4.477.928.977						
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.590.746.336	1.106.321.168	780.861.473	-	-	4.477.928.977						
Số giảm trong năm	(1.867.940.044)	(930.496.248)	(432.201.682)	(86.076.705)	(111.659.686)	(3.428.374.365)						
- Giảm khác	(1.867.940.044)	-	-	-	-	(1.867.940.044)						
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(289.999.600)	-	-	(289.999.600)						
- Giảm theo TT45/2013/TT-BTC	-	(930.496.248)	(142.202.082)	(86.076.705)	(111.659.686)	(1.270.434.721)						
Số dư cuối năm	39.446.003.173	42.008.864.142	7.203.438.900	254.023.720	4.119.172.645	93.031.502.580						
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>												
Số dư đầu năm	11.009.192.404	28.858.623.939	4.744.759.751	280.995.377	2.721.074.962	47.614.626.433						
Số tăng trong năm	1.980.331.109	3.869.086.010	679.375.454	14.377.789	265.764.588	6.809.134.950						
- Khấu hao trong năm	1.980.331.109	3.869.086.010	679.375.454	14.377.789	265.764.588	6.809.134.950						
Số giảm trong năm	-	(823.642.061)	(404.740.118)	(80.675.765)	(77.859.591)	(1.386.917.535)						
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(289.999.600)	-	-	(289.999.600)						
- Giảm theo TT45/2013/TT-BTC	-	(823.642.061)	(114.740.518)	(80.675.765)	(77.859.591)	(1.096.917.935)						
Số dư cuối năm	12.989.723.513	31.904.067.888	5.019.375.087	214.697.401	2.908.979.959	53.036.843.848						
<b>Giá trị còn lại</b>												
Tại ngày đầu năm	27.714.004.477	12.974.415.283	2.110.039.358	59.105.048	1.509.757.369	44.367.321.535						
Tại ngày cuối năm	26.456.279.660	10.104.796.254	2.184.063.813	39.326.319	1.210.192.686	39.994.658.732						

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay;
- Toàn bộ TS của công ty đã được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại các ngân hàng

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	365.560.000	365.560.000
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>365.560.000</b>	<b>365.560.000</b>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	34.854.443	34.854.443
Số tăng trong năm	121.853.328	121.853.328
- <i>Khấu hao trong năm</i>	<i>121.853.328</i>	<i>121.853.328</i>
Số giảm trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>156.707.771</b>	<b>156.707.771</b>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	330.705.557	330.705.557
Tại ngày cuối năm	<b>208.852.229</b>	<b>208.852.229</b>

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Số dư đầu năm	16.895.035.487	16.708.572.894
Số tăng trong năm	1.134.109.051	838.247.435
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(912.392.009)	(651.784.842)
Giảm khác	(331.361.172)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>16.785.391.357</b>	<b>16.895.035.487</b>
Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Tạo	12.032.683.056	12.397.292.304
Chi phí thuê quầy Kinh doanh tại Chợ Bình Điền chưa phân bổ	3.913.040.383	3.887.641.396
Chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa chờ phân bổ	839.667.918	610.101.787
	<b>16.785.391.357</b>	<b>16.895.035.487</b>

**14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Vay ngắn hạn		
- Ngân hàng TMCP Phương Nam - Chi nhánh Chợ Lớn	206.010.780.000	206.010.780.000
	<b>206.010.780.000</b>	<b>206.010.780.000</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

Số dư tại ngày 31/12/2013 gồm các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1.1 Hợp đồng tín dụng số 011/01/09 ngày 08/01/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 103 tỷ đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng từ ngày 08/01/2009 đến 08/01/2010, hợp đồng này đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty chưa có khả năng trả nợ cho ngân hàng;
- Lãi suất cho vay: 12%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: bằng toàn bộ tài sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản số 009/HĐTC.2009 ngày 08/01/2009;
- Dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 103 tỷ đồng.

1.2 Hợp đồng tín dụng số 009/01/09 ngày 08/01/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 5.833 lượng vàng SJC tương ứng với số tiền 103.010.780.000 đồng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Thời hạn cho vay: 12 tháng từ ngày 08/01/2009 đến 08/01/2010, hợp đồng này đã quá hạn thanh toán nhưng Công ty chưa có khả năng trả nợ cho ngân hàng;
- Lãi suất cho vay: 12%/năm;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: Bằng toàn bộ tài sản của Công ty theo hợp đồng thế chấp tài sản số 009/HĐTC.2009 ngày 08/01/2009;
- Dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 5.833 lượng vàng SJC tương đương 103.010.780.000 đồng.

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	87.168.973
Thuế Thu nhập cá nhân	99.872.491	39.249.611
Thuế Tài nguyên	-	148.000
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	20.169.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	75.424.025
	<u>99.872.491</u>	<u>222.159.609</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền điện, nước	524.554.644	485.808.518
Chi phí chiết khấu thanh toán	564.303.738	795.078.684
Chi phí thuế máy móc	13.500.000	14.805.000
Chi phí phải trả khác	-	3.401.009
	<u>1.102.358.382</u>	<u>1.299.093.211</u>

**17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	85.900.000
Phải trả về cổ phần hoá	11.267.612.814	11.267.612.814
Phải trả cổ tức cho cổ đông	2.055.861.900	2.056.531.900
Phải trả Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	24.799.354.131	24.799.354.131
Phải trả Ngân hàng TMCP Phương Nam về lãi tiền vay VND	46.534.866.667	34.273.533.334
Phải trả Ngân hàng TMCP Phương Nam về lãi tiền vay vàng	86.629.414.800	86.344.803.180
Phải trả về kinh phí ngành (*)	600.778.835	600.778.835
Phải trả về tài sản bán giao của TCT Thương mại Sài Gòn (*)	3.396.720.854	3.396.720.854
Phải trả về Tài sản cố định Nhà máy Tân Tạo tạm tăng (*)	-	3.207.454.095
Phải trả Sở Tài chính về di dời chợ Xóm Củi và sân cá 50 (*)	240.931.000	240.931.000
Phải trả Trung tâm kinh doanh thủy sản APT (*)	208.594.004	208.594.004
Trích nộp Tổng Công ty - Quỹ Phúc Lợi (*)	81.697.182	81.697.182
Kinh phí di dời (*)	68.034.000	68.034.000
Phải trả về Công trình Nhà máy CB Tân Tạo (*)	-	7.212.000
Phải trả Công ty TPĐLXK Sài Gòn (*)	74.931.310	74.931.310
Phải trả của Cửa hàng Cầu Ông Lãnh (*)	10.622.075	10.622.075
Phải trả Công đoàn Công ty	134.680.000	69.032.000
Phải trả, phải nộp khác	50.406.000	65.374.000
	<b><u>176.154.505.572</u></b>	<b><u>166.859.116.714</u></b>

(\*) Các khoản công nợ phải trả thuộc giai đoạn công ty Nhà nước trước cổ phần hóa chưa quyết toán.

**18 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải trả về tiền nhận ký quỹ thuế mặt bằng, thuế kho lạnh	1.292.241.853	1.418.614.853
	<b><u>1.292.241.853</u></b>	<b><u>1.418.614.853</u></b>

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND					
Số dư đầu năm trước	88.000.000.000	1.102.533.401		1.621.017.335	210.804.966	(293.211.705.559)	(202.277.349.857)
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	(44.278.033.006)	(44.278.033.006)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	(1.102.533.401)	-	-	-	-	(1.102.533.401)
Số dư cuối năm trước	88.000.000.000	-	-	1.621.017.335	210.804.966	(337.489.738.565)	(247.657.916.264)
Lãi/lỗ trong năm này	-	-	-	-	-	(17.632.343.035)	(17.632.343.035)
Số dư cuối năm nay	88.000.000.000	-	-	1.621.017.335	210.804.966	(355.122.081.600)	(265.290.259.299)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	26.401.980.000	30,00%	26.401.980.000	30,00%
Vốn góp của ông Trần Phát Minh	32.076.020.000	36,45%	32.076.020.000	36,45%
Vốn góp của ông Tạ Bá Thuyết	5.000.000.000	5,68%	5.000.000.000	5,68%
Vốn góp của cổ đông khác	24.522.000.000	27,87%	24.522.000.000	27,87%
	88.000.000.000	100%	88.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	88.000.000.000	88.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	88.000.000.000	88.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	88.000.000.000	88.000.000.000

d) Cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.800.000	8.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.800.000	8.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e) Các quỹ công ty	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.621.017.335	1.621.017.335
Quỹ dự phòng tài chính	210.804.966	210.804.966
	<b>1.831.822.301</b>	<b>1.831.822.301</b>

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
  - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh.
  - + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

## 20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	129.356.907.409	98.559.281.634
Doanh thu cung cấp dịch vụ	52.840.777.541	50.558.040.271
	<b>182.197.684.950</b>	<b>149.117.321.905</b>

## 21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	256.613.555	-
Giảm giá hàng bán	401.291.910	42.542.466
Hàng bán bị trả lại	1.218.232.132	2.031.204.378
	<b>1.876.137.597</b>	<b>2.073.746.844</b>



**22 . DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thuận bán hàng hóa, thành phẩm	127.482.623.242	96.536.878.345
Doanh thu thuận cung cấp dịch vụ	52.838.924.111	50.506.696.716
	<b>180.321.547.353</b>	<b>147.043.575.061</b>

**23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	111.588.303.757	83.825.281.286
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	27.775.179.977	30.082.821.720
Hoàn nhập/trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.458.646.388)	6.162.241
	<b>137.904.837.346</b>	<b>113.914.265.247</b>

**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.351.902.954	2.211.678.461
Lãi trả chậm của các hộ nuôi trồng thủy hải sản	43.599.369	6.300.709
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	211.914.468	389.862.773
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	65.876.747	73.380.920
	<b>2.673.293.538</b>	<b>2.681.222.863</b>

**25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	12.575.944.953	47.802.011.973
Lãi mua hàng trả chậm	1.816.797	34.343.659
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.574.357	36.914.740
	<b>12.582.336.107</b>	<b>47.873.270.372</b>

**26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	2.863.230.617	883.048.761
Chi phí nhân công	5.945.593.979	5.286.639.691
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.967.873.230	1.950.220.688
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.517.483.614	5.447.179.298
Chi phí khác bằng tiền	8.322.760.716	6.382.603.864
	<b>22.616.942.156</b>	<b>19.949.692.302</b>

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	846.693	73.843.463
Chi phí nhân công	12.061.133.229	8.863.828.023
Chi phí khấu hao tài sản cố định	955.617.143	932.872.355
Thuế, phí, lệ phí	260.287.308	14.205.868
Chi phí dự phòng	9.601.267.784	105.089.002
Chi phí khác bằng tiền	3.705.179.448	3.249.464.688
	<b>26.584.331.605</b>	<b>13.239.303.399</b>

**28 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	260.909.090	-
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	727.273
Thu nhập từ xử lý hàng thừa	-	41.959.878
Thu nhập từ hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	789.344.544
Thu nhập từ xử lý các khoản công nợ không phải trả	155.050.286	92.985.663
Thu nhập từ lãi vay quá hạn	57.333.184	-
Thu nhập khác	7.217.863	97.672.207
	<b>480.510.423</b>	<b>1.022.689.565</b>

**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Các khoản tiền bị phạt	11.299.365	5.300.000
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ	389.080.136	-
Xử lý công nợ của Công ty H&S Seafood Trading	942.570.971	-
Chi phí của các khoản công nợ đã được xử lý	10.578.597	12.733.946
Chi phí khác	65.718.065	30.955.229
	<b>1.419.247.134</b>	<b>48.989.175</b>

**30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(17.632.343.034)	(44.278.033.006)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(17.632.343.034)	(44.278.033.006)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.800.000	8.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(2.004)</b>	<b>(5.032)</b>

**31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và tương đương tiền	38.028.371.845	-	22.378.594.886	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	120.140.573.534	(111.863.951.932)	120.061.825.543	(102.262.684.148)
	<u>158.168.945.379</u>	<u>(111.863.951.932)</u>	<u>142.440.420.429</u>	<u>(102.262.684.148)</u>
			Giá trị số kế toán	
			31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ		206.010.780.000	206.010.780.000	
Phải trả người bán, phải trả khác		191.551.609.551	171.304.141.789	
Chi phí phải trả		1.102.358.382	1.299.093.211	
		<u>398.664.747.933</u>	<u>378.614.015.000</u>	

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Tiền và tương đương tiền	38.028.371.845	-	-	38.028.371.845
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.276.621.602	-	-	8.276.621.602
<b>Cộng</b>	<b>46.304.993.447</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>46.304.993.447</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Tiền và tương đương tiền	22.378.594.886	-	-	22.378.594.886
Phải thu khách hàng, phải thu khác	17.799.141.395	-	-	17.799.141.395
<b>Cộng</b>	<b>40.177.736.281</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>40.177.736.281</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>				
Vay và nợ	206.010.780.000	-	-	206.010.780.000
Phải trả người bán, phải trả khác	190.259.367.698	1.292.241.853	-	191.551.609.551
Chi phí phải trả	1.102.358.382	-	-	1.102.358.382
	<b>397.372.506.080</b>	<b>1.292.241.853</b>	<b>-</b>	<b>398.664.747.933</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>				
Vay và nợ	-	206.010.780.000	-	206.010.780.000
Phải trả người bán, phải trả khác	169.885.526.936	1.418.614.853	-	171.304.141.789
Chi phí phải trả	1.299.093.211	-	-	1.299.093.211
	<b>171.184.620.147</b>	<b>207.429.394.853</b>	<b>-</b>	<b>378.614.015.000</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 32 . NỢ TIỀM TÀNG

Khoản vay bằng vàng của Công ty với Ngân hàng TMCP Phương Nam - Chi nhánh Chợ Lớn có số dư tại 31/12/2013 là 5.833 lượng vàng SJC với giá trị là 103.010.780.000 VND; theo giá vàng bán tại Ngân hàng TMCP Phương Nam ngày 31/12/2013 là 34.800.000 VND/lượng thì tổng giá trị khoản vay phải trả là 202.988.400.000 VND; do đó nếu tính theo giá vàng hiện tại đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm thì Công ty có 1 khoản nợ tiềm tàng đối với khoản chênh lệch giá trả nợ vay bằng vàng này là 99.977.620.000 VND.

### 33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

### 34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Mối quan hệ	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
<b>Phải trả Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn/ Cổ đông lớn</b>		
- Phải trả về cổ tức	1.965.713.000	1.965.713.000
- Phải trả khác	24.799.354.131	24.799.354.131

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
- Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	1.201.033.000	1.584.630.000

### 35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán.

Người lập biểu

Đoàn Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Phạm Nguyệt Ánh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2014

Tổng Giám đốc



Trương Tiến Dũng

XÁC NHẬN  
ĐÃ ĐIỂN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY  
TỔNG GIÁM ĐỐC



*[Handwritten signature]*

TRƯƠNG TIÊN DŨNG